BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI - KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2016 - CỤM THI 41

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000001	NGUYỄN THỊ A	206163587	3.75	2.68	5.00		4.50		2.00	
DDK000002	TƠ NGÔL A	206051529	5.75	4.58	4.00					
DDK000003	NGUYỄN THANH Á	206148376	6.25	3.40	3.00	5.80		5.20		3.20
DDK000004	CAO TRẦN MINH Á	206201813	5.00	2.50	4.00	6.20		4.00		
DDK000005	TƠ NGÔL Á	206050013	4.50	2.25	3.50					
DDK000006	BÙI THỊ ÁI	206178063	8.00	4.33	4.00	5.80		8.40		8.60
DDK000007	KIỀU THỊ ÁI	206195472	5.75	2.83	3.75	5.60		3.60		
DDK000008	LÊ THỊ ÁI	206178621	4.75	2.93	3.75	6.40		3.80		
DDK000009	LÊ THỊ KIỀU ÁI	206035155	3.00	3.00	4.50		5.00		3.00	
DDK000010	NGUYỄN DIỆU ÁI	206047077	4.75	2.13	4.00					
DDK000011	NGUYỄN THỊ ÁI	206360422	4.00	3.43	5.25		6.75		3.75	
DDK000012	NGUYỄN THỊ ÁI	206131079	3.75	3.45	4.50		5.25			
DDK000013	NGUYỄN THỊ THÚY ÁI	206065042	3.25	2.85	4.75	5.00				
DDK000014	NGUYỄN THỊ THÚY ÁI	206238748	5.25	3.50	5.00		2.75			
DDK000015	PHAN THỊ ÁI	205964996	6.50	2.60		6.20		5.40		5.00
DDK000016	TRẦN HỮU ÁI	201755997	1.50	2.50		3.20				
DDK000017	TRẦN THỊ DIỆU ÁI	206084241	4.00	1.75	3.75		6.00		2.25	
DDK000018	VÕ THỊ MỸ ÁI	206330454	5.50	2.38	6.25			5.40		5.80
DDK000019	CHÂU THỊ AN	206222384	7.00	3.38	5.25	8.00		7.60		8.60
DDK000020	ĐỖ HOÀNG AN	206311903	6.75	3.38	3.00	8.00		6.60		
DDK000021	ĐỖ MẠNH AN	205822458			6.50		6.50		7.25	
DDK000022	ĐẶNG KỲ AN	206316819	2.00	3.25	3.50		4.75		1.50	
DDK000023	ĐẶNG VĂN QUỐC AN	206144444	4.50	2.13	2.75	6.00		4.20		
DDK000024	ĐỖ NHƯ TRƯỜNG AN	206148408	5.75	2.50	4.50	7.20				
DDK000025	HỒ HẢI AN	206208632	3.75	3.13	2.00		4.25			
DDK000026	HỒ THỊ AN	206318392	1.25	2.25	4.25		4.50		4.00	
DDK000027	HỒ VIẾT AN	206312032	6.75	4.45	6.75	7.80		3.60		0.00
DDK000028	HÀ VĂN AN	206141133	3.75	2.70	2.00		3.25			
DDK000029	HOÀNG THỊ MINH AN	206206607	6.00	2.98	4.75	7.20		7.00		
DDK000030	HUỲNH ĐỨC BẢO AN	206190331	6.25	3.00	5.50			5.20		6.00

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000031	HUỲNH NGỌC AN	206240201	2.50	3.25	2.50		4.25			
DDK000032	LÊ BÌNH AN	206339339	6.00			6.00		5.40		
DDK000033	LÊ CÔNG TUẤN AN	206207819	3.00	2.60	5.00	6.20		3.40		4.00
DDK000034	LÊ ĐỖ TƯỜNG AN	206035444	7.00	3.28	5.00	6.80		6.20		
DDK000035	LÊ THỊ TƯỜNG AN	206184033	4.50	3.00	3.50	4.80		3.00		
DDK000036	LÊ VĂN AN	206184026	3.75	2.25	2.50	4.80				
DDK000037	LÊ VĂN AN	206193343	6.50	2.98	4.00	7.40		6.60		
DDK000038	LƯƠNG THỊ AN	206104953	6.25	2.50	4.00			7.00		6.40
DDK000039	MAI VĂN AN	206195049	1.75	2.00	4.00	4.20				
DDK000040	NGUYỄN AN	206260958	3.25	2.00	3.00	2.80				
DDK000041	NGUYỄN LÊ THANH AN	206330569	3.75	2.50	4.75	5.20		5.80		
DDK000042	NGUYỄN NGÔ PHƯỚC AN	206036686	3.75		5.50	5.20		6.00		
DDK000043	NGUYỄN THẾ AN	206079931	7.25	3.15	3.00	6.00		6.20		5.00
DDK000044	NGUYỄN THỊ HOÀNG AN	206201283	5.50	2.50	4.00		4.00	4.80		4.40
DDK000045	NGUYỄN THỊ MỸ AN	206033699	4.50	1.88	4.25			2.80		4.60
DDK000046	NGUYỄN THỊ NGỌC AN	206196344	4.75	2.78	3.75		5.00			
DDK000047	NGUYỄN THỊ THÚY AN	206284926	4.50	3.70	4.75		4.00			
DDK000048	NGUYỄN THỊ THÚY AN	206184158	5.75	4.48	4.50	6.00		5.40		
DDK000049	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG AN	206144082	6.25	4.80	5.75		7.50		6.00	
DDK000050	NGUYỄN THÀNH AN	206178483	5.75	1.93	3.00	7.20		5.60		
DDK000051	NGUYỄN TRẦN TẤN AN	206217274	7.25	7.05	4.50	7.20				
DDK000052	NGUYỄN TRƯỜNG AN	206067434	3.75	2.00	3.50	6.40				
DDK000053	NGUYỄN TRƯỜNG AN	206116956	7.00	6.80	2.50	7.60				
DDK000054	NGUYỄN TRƯỜNG AN	206268856	4.75	2.13	5.75		8.00		8.75	
DDK000055	NGUYỄN VĂN AN	206044985	5.00			7.00		5.80		
DDK000056	NGUYỄN VĂN AN	206284674	4.75	2.50	6.00		8.25		7.75	
DDK000057	NGUYỄN VĂN AN	206267890	4.75	3.13	2.75	6.80		6.00		
DDK000058	NGUYỄN VŨ BÌNH AN	206217130	7.25	4.40	3.75	8.00		6.80		
DDK000059	ÔNG ÍCH VĨNH AN	206148119	4.25	2.25	2.00	2.40		4.80		5.80
DDK000060	PHAN VĂN AN	206349446	3.00	3.15	2.75		5.75			
DDK000061	PHAN VĂN AN	206084112	4.50	2.75	2.75	6.20				
DDK000062	PHẠM LÊ VĂN AN	206044789	7.00	2.63	5.50		6.50			
DDK000063	PHẠM THỊ QUỲNH AN	206131552	4.50	2.35	4.00	3.00	5.00			
DDK000064	PHÙNG TIẾN AN	205554407			0.00		0.00		0.00	
DDK000065	RIAH THỊ AN	206151984	6.00	2.55	5.25			4.80		5.20

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000066	TRẦN CẢNH AN	206372469	6.00	2.13	3.75	7.00		5.40		
DDK000067	TRẦN ĐĂNG AN	206319134	2.50	2.50	2.50		4.25		1.25	
DDK000068	TRẦN LÊ TRƯỜNG AN	206104925	9.25	2.55	3.25	9.00		7.60		
DDK000069	TRẦN MINH AN	206283183	6.75	2.75	3.75	5.60		5.80		
DDK000070	TRẦN NGỌC THÁI AN	206104661	6.25	5.79	6.75		5.50			
DDK000071	TRẦN THỊ AN	206207738	7.50	2.50	3.75	7.60		8.40		
DDK000072	TRẦN XUÂN AN	205382485			4.75		6.50		4.50	
DDK000073	TRƯỜNG AN	206070485	6.75	2.50	2.25	6.40		6.60		
DDK000074	VÕ ĐÌNH AN	206120960	6.50	5.35	3.50	8.00		7.00		
DDK000075	VÕ THỊ NGỌC AN	206351290	5.50	3.08	5.75	5.20				
DDK000076	VÕ THÁI AN	206236383	3.25	2.80	3.75		4.50			
DDK000077	VŨ DUY AN	206089899	7.50	4.68	5.00	7.00		7.60		8.40
DDK000078	BÙI ANH	206118133	3.50	2.50	2.50		3.00			
DDK000079	BÙI VIẾT HÙNG ANH	206201381	1.75	2.13	2.25	5.80		4.00		
DDK000080	CAO THỊ KIM ANH	206312079	6.50	2.13	5.50			5.00		6.60
DDK000081	DƯƠNG THỊ KIM ANH	206131062	1.75	2.25	3.75		2.50			
DDK000082	DƯƠNG TUẤN ANH	206148453	4.75	3.63	6.00		8.25		8.75	
DDK000083	ĐỖ MAI ANH	206339190	8.75	2.68	4.00	5.20		7.20		7.40
DDK000084	ĐỖ PHẠM HOÀNG ANH	206299044	5.00	2.25	3.75	3.60		3.20		
DDK000085	ĐỖ THỊ MINH ANH	206198892	6.50	2.63	4.75			4.20		3.20
DDK000086	ĐINH HOÀNG ANH	206288177	3.25	2.00	5.00		3.25			
DDK000087	ĐINH THỊ ANH	206106666	5.50	2.20	3.00	5.20		5.20		
DDK000088	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	205976872	2.00	2.60	4.00		3.75		5.50	
DDK000089	ĐẶNG VÂN ANH	206050073	4.25	2.63	4.00		6.25		6.50	
DDK000090	ĐOÀN THỊ NGỌC ANH	206203685	6.50	4.58	6.25	6.00		2.80		
DDK000091	ĐOÀN THỊ VIẾT ANH	206265256	5.00	3.65	5.25	5.80				
DDK000092	HỒ HOÀNG ANH	194548591			3.50		3.75		3.75	
DDK000093	HỒ THỊ LAN ANH	206303579	4.75	3.25	3.75	7.20		4.80		3.00
DDK000094	HỨA ĐẠI TÂM ANH	206178809	6.50			6.40		6.60		
DDK000095	HỨA HÒA ANH	206217708	6.50	3.70	5.00		4.00			
DDK000096	HÀ HOÀNG ANH	206206593	4.50	1.98	4.25		5.75		2.50	
DDK000097	HỨA THỊ QUỲNH ANH	206284540	6.25	3.33	4.50	6.20				
DDK000098	HÀ THỊ TRÂM ANH	206303677	7.75	4.43	3.75	8.80		8.80		6.60
DDK000099	HỒNG THỊ MINH ANH	206120777	7.25	3.33	4.50	7.80		7.00		
DDK000100	HOÀNG THỊ VÂN ANH	206317851	6.50	7.93	7.00	5.20				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000101	HUỲNH ANH	206117977	2.75	2.30	1.25		2.75			
DDK000102	HUỲNH ĐỨC ANH	206200734	4.00	2.35	3.25	6.80	5.50	6.40	1.25	
DDK000103	HUỲNH THỊ ANH	206315658	2.50	2.88	4.25		4.50			
DDK000104	HUỲNH THỊ ANH	206333038	3.75	2.50	3.50		4.00			
DDK000105	HUỲNH THỊ PHƯƠNG ANH	205933022	4.50	2.13	5.00	5.80				
DDK000106	HUỲNH THỊ VÂN ANH	206121008	3.75	2.25	2.00			4.40		2.40
DDK000107	HUỲNH TRÌNH TUẤN ANH	206116178	2.25	2.05	5.25					
DDK000108	HUỲNH VĨNH ANH	MI3400126902	1.75			3.20		3.80		
DDK000109	LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH	206141064	7.50	3.70	3.00			9.00		7.80
DDK000110	LÊ PHƯỚC ANH	205994472	3.00	2.85	2.25	6.40	4.75	7.00	3.25	
DDK000111	LÊ THỊ ANH	206120716	5.75	5.70	7.00	5.20				
DDK000112	LÊ THỊ KIM ANH	206131560	6.00	2.75	5.00	7.40		4.20		
DDK000113	LÊ THỊ VÂN ANH	206079781	5.75	2.00	3.75	7.00		6.20		
DDK000114	LÊ TRẦN KIỀU ANH	206286010	6.25	5.46	4.25	4.40				
DDK000115	LÊ TUẤN ANH	272621012	2.50	2.63	3.25		5.00			
DDK000116	LÊ TUẤN ANH	206108628	3.75	3.13	3.50	4.20				
DDK000117	LÊ VIỆT ANH	194513224			6.75		6.75		4.50	
DDK000118	LƯƠNG THỊ KIM ANH	206220104	5.50	3.95		6.80		4.20		
DDK000119	LƯƠNG VĂN ANH	206265025	0.00	0.00	0.00		0.00			
DDK000120	LÝ THỊ ANH	206138366	5.75	3.85	5.75					4.20
DDK000121	MAI NHẬT ANH	201782690	4.00	2.50	5.00		7.00		4.50	
DDK000122	MAI TẤN ANH	206144463	1.75	2.75	2.25	1.80	3.50	2.00		
DDK000123	NGÔ HOÀNG TIẾN ANH	206070631	8.25	2.50	3.75	8.40		6.60		
DDK000124	NGÔ PHƯƠNG ANH	206220117	5.50	3.00	7.50		5.00			
DDK000125	NGÔ THỊ KIM ANH	206203154	3.17	2.25	3.50		3.50			
DDK000126	NGÔ THỊ THÙY ANH	206263765	6.50	2.75	3.25	5.80		5.00		
DDK000127	NGÔ THỊ TRÂM ANH	206221367	5.50	2.63	3.75	7.60		5.00		
DDK000128	NGUYỄN DUY VIỆT ANH	174185215			0.00		0.00		0.00	
DDK000129	NGUYỄN ĐỨC TUỆ ANH	206141139	7.25	4.40	4.75	8.00		7.20		
DDK000130	NGUYỄN ĐẮC XUÂN ANH	206088169	6.50	1.88	3.00	7.60		6.40		
DDK000131	NGUYỄN ĐÌNH ANH	206331197	3.00	2.13	3.75	7.20		5.40		
DDK000132	NGUYỄN HOÀNG ANH	206267555	6.50	2.75	5.25	6.40		6.40		
DDK000133	NGUYỄN HOÀNG NHẬT ANH	206208448	7.50	5.27	4.75	7.60		8.60		8.60
DDK000134	NGUYỄN HÙNG ANH	206065793	3.25	2.25	1.50	5.40		7.60		
DDK000135	NGUYỄN KIM ANH	206199547	6.75	4.73	6.50	6.20				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000136	NGUYỄN LAN ANH	206131950	7.25	6.23	6.00	5.40				
DDK000137	NGUYỄN LÊ THỊ HỒNG ANH	206098910	5.50	3.23	4.75		5.50			
DDK000138	NGUYỄN MINH ANH	206196267	6.25	2.63	4.25	6.80		7.40		
DDK000139	NGUYỄN NGỌC ANH	206079117	3.00	2.73	3.25		3.25	6.00	3.50	4.80
DDK000140	NGUYỄN NGỌC ANH	206160472			5.00		7.00		3.75	
DDK000141	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	206148307	4.00	2.90	6.00		4.75		6.25	
DDK000142	NGUYỄN QUANG ANH	206047940	7.75			6.80		6.00		
DDK000143	NGUYỄN SĨ PHƯƠNG ANH	206265322	7.75	3.70	4.25	8.00		7.60		
DDK000144	NGUYỄN THỊ ANH	206236803	5.25	3.00	4.00		3.50			
DDK000145	NGUYỄN THỊ ANH	206221792	1.50	3.50	2.75		5.25		3.50	
DDK000146	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	206317853	5.25	3.25	4.50	5.40				
DDK000147	NGUYỄN THỊ KIM ANH	205948137	6.00	3.03	3.50	2.80				
DDK000148	NGUYỄN THỊ KIM ANH	206240511			5.75		7.50		3.25	
DDK000149	NGUYỄN THỊ KIM ANH	206245260	6.75	4.28	7.00	6.80				
DDK000150	NGUYỄN THỊ KIM ANH	205981745	5.75	3.98	5.75		8.50		7.50	
DDK000151	NGUYỄN THỊ KIM ANH	206266948	6.25	3.73	3.50			5.20		6.00
DDK000152	NGUYỄN THỊ LAN ANH	206109391	3.25	2.75	2.50		4.25			
DDK000153	NGUYỄN THỊ MAI ANH	206178044	6.00	3.98	5.00	3.20	5.75			
DDK000154	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	206195041	8.25	6.28	4.50			7.00		7.80
DDK000155	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	206178041	4.75	3.30	1.25			6.00		6.00
DDK000156	NGUYỄN THỊ NHẬT ANH	206122324	4.50	3.15	4.50	6.40		6.00		7.00
DDK000157	NGUYỄN THỊ TRÂM ANH	206079420	7.00	3.15	3.75		4.75			
DDK000158	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	206120782	6.50	2.58	4.50	6.60		6.20		7.20
DDK000159	NGUYỄN THỊ KIM ANH	206141938	2.75	2.13	2.50		5.25			
DDK000160	NGUYỄN TẤN ANH	205980791	5.75			6.20		5.40		
DDK000161	NGUYỄN TRẦN TUẤN ANH	205822904			4.50		4.25		2.75	
DDK000162	NGUYỄN TRỌNG ANH	206267766	5.25	4.38	4.75	5.80				
DDK000163	NGUYỄN TUẤN ANH	206220399	6.25	3.23	3.50	7.20		6.80		3.80
DDK000164	NGUYỄN VĂN ANH	206088147	6.25			7.60		7.20		7.60
DDK000165	NGUYỄN VĂN ANH	206362277	3.25	1.63	2.75	5.00		4.00		
DDK000166	NGUYỄN VĂN ANH	206121408	3.25	2.25	1.75	4.60	2.25			
DDK000167	PHAN THỊ ANH	206098624	5.75	2.68	6.00		5.00			
DDK000168	PHAN TẤN ANH	205666960	6.75			7.40		6.00		
DDK000169	PHAN TUẤN ANH	206333640	5.50	2.30	2.75	5.80		6.60		4.40
DDK000170	PHẠM ĐỨC ANH	206120164	5.50	1.25		5.40		5.60		0.00

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000171	PHẠM HOÀNG ANH	206036657	6.00	5.85	5.00	5.80				
DDK000172	PHẠM LÊ HUỲNH ANH	206217022	4.75	3.88	7.50		9.25		6.75	
DDK000173	PHẠM MINH ANH	206192899	4.75	3.00	2.75	6.60		5.40		
DDK000174	PHẠM THỊ HỒNG ANH	206205389	7.50			7.80		7.00		
DDK000175	PHẠM THỊ KIM ANH	206236091	7.00	5.08	7.75	6.20				
DDK000176	PHẠM THỊ KIM ANH	205924747	6.50			6.40		6.80		4.20
DDK000177	PHẠM THỊ MỸ ANH	206070297	7.00			7.80		6.00		
DDK000178	PHẠM THỊ MINH ANH	206217645	7.00					7.60		6.80
DDK000179	PHẠM THỊ MINH ANH	206148708	4.25	2.30	2.00		4.50			
DDK000180	PHẠM THỊ NGUYỄN ANH	206047056	6.25	3.13	5.00			5.80		
DDK000181	PHẠM THỊ VÂN ANH	205980845	6.50			7.20		6.20		
DDK000182	PHẠM VIẾT ANH	205694912			1.75		4.00		1.50	
DDK000183	QUÁCH VĂN ANH	206216821	3.25		4.00		3.50		2.25	
DDK000184	TĂNG VĂN ANH	206148701	3.50	3.38	3.00		5.00			3.40
DDK000185	TÔ THỊ KIM ANH	206120834	4.25	2.68	6.00		4.50			
DDK000186	TRẦN ĐẶNG QUANG ANH	201724481	2.00	2.88		4.60				
DDK000187	TRẦN NGỌC QUỲNH ANH	206319708	5.50	5.70	6.25		5.00			
DDK000188	TRẦN NGUYỄN QUỲNH ANH	206286530	6.25	5.53	5.00	6.60				
DDK000189	TRẦN NHẬT ANH	206202666	3.25	2.43	4.00		9.00		5.25	
DDK000190	TRẦN NHẬT THẢO ANH	206360750	5.00	2.78	3.00		4.75			
DDK000191	TRẦN PHƯƠNG ANH	206286800	4.75	2.75	4.00		5.00			
DDK000192	TRẦN QUAN ANH	206121409	2.50		4.75	4.60	4.00	6.40		
DDK000193	TRẦN THỊ ANH	206121011	3.25		2.75	2.20		5.80		1.80
DDK000194	TRẦN THỊ HỒNG ANH	206148312	6.00	5.33	5.75	7.60				
DDK000195	TRẦN THỊ KỲ ANH	206340332	7.00		4.00	5.40		7.60		
DDK000196	TRẦN THỊ KIM ANH	206240709	6.25	2.80	4.25	6.80		5.80		
DDK000197	TRẦN THỊ KIM ANH	206208708	6.50	2.03	3.25			6.00		5.40
DDK000198	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	206019188	6.50	2.55	3.75	7.80		7.20		
DDK000199	TRẦN THỊ TÚ ANH	206148165	2.75	2.83	3.75	4.40				
DDK000200	TRẦN THỊ VÂN ANH	206198843	8.75	3.60	4.50	9.00		7.60		
DDK000201	TRẦN THỊ VÂN ANH	206331861	6.50	2.43	2.75	5.60		7.20		7.40
DDK000202	TRẦN THỊ XUÂN ANH	205981798	2.75	1.75	4.50		4.25			
DDK000203	TRẦN VĂN MINH ANH	206047210	7.00	4.35	7.75	7.20		5.80		
DDK000204	TRỊNH THỊ MỸ ANH	206106672	6.25	2.38	5.50	5.20		4.80		
DDK000205	TRƯƠNG HÙNG ANH	205606362	5.75	2.38	2.50	7.80		6.40		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000206	TRƯƠNG NGUYỄN TRÂM ANH	206117050	7.25	8.88	7.50	4.20				
DDK000207	TRƯƠNG THỊ HOÀNG ANH	206240877	5.25	2.50	4.75	7.00		4.60		
DDK000208	TRƯƠNG THỊ KIM ANH	206238394	6.00	2.35	4.75			7.40		7.40
DDK000209	TRƯƠNG THỊ KIM ANH	206207827	3.00	2.50	1.50		2.25			
DDK000210	TRƯƠNG THỊ LAN ANH	206066807	1.50	2.00	4.00		5.75		4.00	
DDK000211	TRƯƠNG THỊ TRÂM ANH	206266629	3.50	2.58	4.00		3.25			
DDK000212	TRƯƠNG TÚ BẢO ANH	206332234	7.25	2.50	4.75	6.80		5.80		6.20
DDK000213	VĂN THỊ KIM ANH	206120156	1.50	2.50	3.50		0.50			
DDK000214	VÕ ĐÌNH ANH	206189046	2.75	3.25	3.00		4.00			
DDK000215	VÕ NGỌC ANH	206141748	5.00	2.25	4.25	6.40		3.80		
DDK000216	VÕ THỊ KIỀU ANH	206217100	3.50	2.53	3.25		3.50			
DDK000217	VÕ THỊ KIỀU ANH	206332634	7.50	2.65	4.00	7.40		7.40		
DDK000218	VÕ THỊ LAN ANH	206263708	3.00	3.50	4.00		6.25		4.50	
DDK000219	VÕ THỊ MAI ANH	206360304	3.25	1.63	4.50			4.40		4.80
DDK000220	VÕ THỊ VÂN ANH	206178372	3.00	2.85	2.25	4.60				
DDK000221	VŨ THỊ HOÀNG ANH	206216013	7.00		2.75	4.80		6.40		3.20
DDK000222	VŨ THỊ LAM ANH	206082671	5.50	5.43	6.00	6.60				
DDK000223	VŨ THỊ VÂN ANH	206036468	4.75	2.88	5.50	6.00		3.20		
DDK000224	VŨ TRẦN TRÂM ANH	206196968	7.50	2.63	5.25	6.40		8.00		
DDK000225	ZƠ RÂM ANH	205852001	4.50	3.13	5.00					
DDK000226	NGUYỄN VĂN ẢNH	206079704	2.50	2.00	2.00	4.60				
DDK000227	SỬ NGỌC ẢNH	206084789	6.00	2.63	4.50	7.20		6.80		
DDK000228	BÙI NGỌC ÁNH	205855032	6.00			6.60		6.20		
DDK000229	BÙI THỊ ÁNH	206240661	6.75	4.18	3.00	7.60		7.60		
DDK000230	ĐỖ THỊ XUÂN ÁNH	205943717	4.50	2.88		4.40				
DDK000231	ĐÀM THỊ NGỌC ÁNH	206331909	7.25	2.00	2.75	8.00		7.40		
DDK000232	ĐÀO HỒNG NGUYỆT ÁNH	206037232	6.00	3.08	4.00	5.00				
DDK000233	ĐẶNG THỊ NGỌC ÁNH	206178848	0.00	0.00	0.00		0.00			
DDK000234	HỒ THỊ NGỌC ÁNH	206242225	4.50	4.23	6.25		8.00		4.00	
DDK000235	HÀ THỊ KIỀU ÁNH	206144027	6.75	3.40	5.25	7.40		7.00		7.20
DDK000236	HUỲNH NGỌC ÁNH	MI3400127285	0.75	2.13	3.75		4.50			
DDK000237	HUỲNH VŨ NGỌC ÁNH	206221318	7.50			8.20		7.40		
DDK000238	LÂM THỊ ÁNH	206201709	4.00	2.48	3.50		4.25			
DDK000239	LÊ HUỲNH NGỌC ÁNH	206292675	5.75	3.28	4.50	4.40	4.25			
DDK000240	LÊ MINH ÁNH	206362141	4.00	2.35	5.50		4.25			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000241	LÊ NGỌC ÁNH	174756992	5.00	3.00	6.50		7.00		4.50	
DDK000242	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206121400	8.25		3.00			7.20		7.40
DDK000243	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206331878	4.00	1.50	3.50			3.20		4.20
DDK000244	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206148216	4.75	2.73	3.50		4.50			
DDK000245	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206318611	3.75	3.15	6.25		5.00			
DDK000246	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206131618	5.00	2.75	4.75	3.80	4.25			
DDK000247	LÊ THỊ PHƯƠNG ÁNH	206360398	5.75	2.88	5.00	6.60				
DDK000248	LƯU NGỌC ÁNH	206084719	6.00	4.43	3.75	6.40				
DDK000249	MAI NHẬT ÁNH	206079038	4.50	1.75	3.00	6.60		3.80		
DDK000250	NGÔ NGỌC ÁNH	206283558	4.75	3.05	4.50	4.80				
DDK000251	NGUYỄN NỮ NGỌC ÁNH	206178159	6.50	3.53	7.50		5.00			
DDK000252	NGUYỄN THỊ ÁNH	206286731	4.25	2.38	5.00		5.25			
DDK000253	NGUYỄN THỊ ÁNH	206222341	2.00	2.13	4.25		2.00			
DDK000254	NGUYỄN THỊ ÁNH	206207280	2.25	2.00	4.75		3.75			
DDK000255	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	206221652	6.00	4.53	5.25		3.75			
DDK000256	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	206068380	7.25	6.28	7.00	5.60				
DDK000257	NGUYỄN THỊ KIM ÁNH	206148274	3.50	2.70	3.00		2.75			
DDK000258	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	206070886	3.75	2.25	5.00	6.20		5.80		
DDK000259	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206242014	3.50	2.00	3.25		4.75			4.00
DDK000260	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206178272	5.50	5.23	5.50	5.40				
DDK000261	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206067973	2.50	1.75	4.00			3.40		
DDK000262	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206222020	5.25	2.25	3.50			3.80		4.20
DDK000263	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206208605	4.00	2.13	3.75	6.20	3.00	5.80		
DDK000264	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206263515	4.50	4.05	5.75	5.60				
DDK000265	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	206029998	3.75	2.48	2.75	7.80		6.60		
DDK000266	NGUYỄN THỊ NHẬT ÁNH	206195539	6.75	3.60	5.00	5.80				
DDK000267	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ÁNH	206205094	4.25	2.63	4.00	3.60				
DDK000268	NGUYỄN THỊ THU ÁNH	205919348	6.00	5.25	8.50					
DDK000269	NGUYỄN TẤN ÁNH	205981465	7.75	5.00	5.50	6.60		5.80		
DDK000270	NGUYỄN VĂN ÁNH	206332047	5.50	1.88	3.00	6.80		5.80		
DDK000271	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	206184437	5.00	2.10	6.25	5.60				
DDK000272	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	206208575	3.00	2.93	4.25		4.50			
DDK000273	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	206069303	6.50	2.23	5.25	5.80		6.40		
DDK000274	PHAN THỊ NGỌC ÁNH	206201799	0.00	0.00	0.00					
DDK000275	PHAN THỊ NGUYỆT ÁNH	206089893	5.50	3.48	2.50	7.60		7.40		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000276	PHẠM ĐỨC ÁNH	206349072	8.25	3.00	3.00	6.60		7.80		
DDK000277	PHẠM THỊ ĐẶNG ÁNH	206202754	3.75	3.25	3.25	6.40				
DDK000278	PHẠM THỊ HỒNG ÁNH	206362205	3.25	3.28	4.50		7.50		7.25	
DDK000279	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	206115195	1.50	2.18	5.00		6.75		6.50	
DDK000280	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	206201753	8.75	4.05	3.75	8.60		6.00		
DDK000281	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	201746126	1.50		1.75					
DDK000282	PLONG THỊ ÁNH	206050198	2.75		4.50	5.00		3.60		
DDK000283	TRẦN NGỌC ÁNH	206070644	6.25	3.00	4.75			6.20		5.00
DDK000284	TRẦN THỊ ÁNH	206120899	1.75	2.13	3.00		5.50			
DDK000285	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	206148308	6.25	3.40	4.25	6.20				
DDK000286	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	206197295	3.25	3.90	4.75	4.40				
DDK000287	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	206178655	4.50	2.48	3.75	3.80				
DDK000288	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	206221703	2.00	2.38	2.75		4.00			
DDK000289	TRẦN VĂN ÁNH	206196373	5.25	3.00	2.50	6.00		4.00		
DDK000290	TRẦN VĂN ÁNH	206141684	6.75	2.10	2.75	7.20		5.80		
DDK000291	TRỊNH THỊ NGỌC ÁNH	205948792	4.50					3.60		3.60
DDK000292	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	206371835	2.75	2.83	5.00		4.50			
DDK000293	TRƯƠNG THỊ NGỌC ÁNH	206066185	6.50			6.80		7.40		3.80
DDK000294	TRƯƠNG THỊ PHI ÁNH	206244341	4.00	2.18	4.75		6.25			
DDK000295	TRƯƠNG THỊ VŨ ÁNH	206201778	5.00	2.63	3.25	5.60				
DDK000296	VÕ LÊ THỊ NGỌC ÁNH	206331780	2.50	2.63	3.25		5.25		2.50	
DDK000297	VÕ THỊ ÁNH	205896783	5.50	3.10	3.25	6.80		5.60		
DDK000298	VÕ THỊ HUỲNH ÁNH	205981795	6.00	2.80	3.00	6.80		6.00		
DDK000299	VÕ THỊ MINH ÁNH	206332051	5.75	2.55	4.75			7.00		5.40
DDK000300	VÕ THỊ NGỌC ÁNH	206332052	5.75	2.75	2.75			5.00		4.60
DDK000301	VÕ THỊ NGỌC ÁNH	206032958	1.50	1.88	2.75		4.75	5.60		3.60
DDK000302	VÕ THỊ THU ÁNH	206350594	7.00	3.53	4.50	7.40		7.40		
DDK000303	VÕ THANH ÁNH	206241839	3.25	2.38	2.25	5.40		4.60		
DDK000304	BNƯỚCH THỊ APUM	206151413	5.25	5.98	7.25		4.50			
DDK000305	BÙI THỊ THIÊN ÂN	206286498	7.25	3.10	4.25			6.80		5.60
DDK000306	CAO VĂN ÂN	206330794	3.25	2.25	2.75			3.60		4.80
DDK000307	ĐẶNG THỊ KIM ÂN	206109895	3.25	2.63	4.00		2.75		1.50	
DDK000308	HỒ HOÀI ÂN	206220011	2.25	2.50	4.75		5.00		2.25	
DDK000309	HỨA THỊ HỒNG ÂN	206178112	9.00	4.85	5.00			8.20		8.60
DDK000310	HOÀNG THỊ HỒNG ÂN	206148088	5.75	3.23	4.00	5.80				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000311	HUỲNH NGỌC THIÊN ÂN	206187928	6.50	3.48	3.00	7.00		6.00		
DDK000312	HUỲNH THANH ÂN	206066929	8.00	1.93	3.00	7.40		6.40		
DDK000313	HUỲNH VĂN ÂN	206120742			6.75		7.75		4.75	
DDK000314	NGUYỄN CÔNG ÂN	206267595	4.50	3.05	3.75	4.40				
DDK000315	NGUYỄN HUỲNH ÂN	205964943	3.00	2.75	2.00	6.20		5.60		
DDK000316	NGUYỄN THỊ HỒNG ÂN	206148217	4.00	2.45	4.00		4.00			
DDK000317	PHAN LÊ THIÊN ÂN	206316103	6.50	1.88	3.50	6.80		6.20		
DDK000318	PHẠM HOÀI ÂN	206220916	3.50	2.63	4.00			4.80		6.20
DDK000319	PHẠM NGỌC BẢO ÂN	206319840	5.25	2.73	3.00	6.20				
DDK000320	PHẠM THỊ KIỀU ÂN	206084753	5.50	3.08	4.50	5.60		5.20		
DDK000321	RIAH ÂN	206050298	2.75	2.80	4.75					3.40
DDK000322	TẠ THỊ PHƯƠNG ÂN	206221796	2.75	3.58	4.75	6.00				
DDK000323	THÁI BẢO ÂN	206148126	7.50	4.60	7.00			7.80		4.60
DDK000324	TRẦN NGỌC ÂN	206221645			5.50		4.75		4.25	
DDK000325	TRẦN THỊ HỒNG ÂN	206178148	5.25	3.90	3.25					
DDK000326	TRẦN THỊ THANH ÂN	206311154	5.75	5.63	8.25					
DDK000327	TRƯƠNG TRỌNG ÂN	206193830	6.50	2.88	3.25	7.20		7.40		
DDK000328	TRƯƠNG VŨ TRỌNG ÂN	206310770	0.00	0.00		0.00		0.00		
DDK000329	PHAN VĂN ẨN	206178001	8.50	4.03	6.00	6.80				
DDK000330	TRẦN THỊ TÂM ẨN	206118104	6.00	2.93	5.00			6.20		7.00
DDK000331	NGUYỄN VĂN ẤN	206103771	4.25	2.13	3.00		5.50			0.00
DDK000332	BÙI HẢI ÂU	206079340	3.25	2.33	5.50		6.00		7.00	
DDK000333	HUỲNH QUỐC ÂU	206237678	4.00	1.88	3.00		2.75			2.80
DDK000334	LỮ THỊ TUYẾT ÂU	206235818	6.25	3.05	5.25	3.60				
DDK000335	BÙI VĂN BA	206319083	5.00	3.30	2.50	7.00		5.60		
DDK000336	HUỲNH VĂN BA	205887986	4.50	3.75	2.00	6.20		4.80		
DDK000337	LÊ THỊ BA	206222386	4.25	3.13	5.00		2.75		2.50	
DDK000338	LÊ THỊ THU BA	206361071	6.75	3.43	4.25	6.80		7.40		
DDK000339	LÊ THỊ THU BA	206236005	4.25	2.63	3.25		3.00		1.50	
DDK000340	NGUYỄN THÀNH BA	206317745	3.00	3.58	2.50	4.00				
DDK000341	PHẠM THỊ THU BA	206216063	4.00	3.40	5.00					
DDK000342	PHẠM THỊ THU BA	206349819	3.75	2.38	4.75		3.00		3.00	
DDK000343	TRẦN ĐĂNG BA	206104598	3.50	2.38	4.00		3.25		3.25	
DDK000344	TRƯƠNG THỊ Y BA	206081383	4.00	2.13	2.50			3.00		4.40
DDK000345	HỒ QUANG BÁCH	205869679	7.00			7.40		7.40		8.60

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000346	HUỲNH KIM BÁCH	206055225	7.00			6.20		6.60		
DDK000347	LÊ VĂN BÁCH	206081947	4.00	2.58	2.75	3.80				
DDK000348	NGUYỄN CÔNG BÁCH	206070643	6.50	2.50	3.00	7.40		6.00		
DDK000349	TRẦN CÔNG BÁCH	206079251	7.50	2.25	2.75	7.60		7.00		
DDK000350	TRẦN XUÂN BÁCH	206034042	6.50			7.80		6.40		0.00
DDK000351	VÕ NHƯ SƠN BÁCH	206160462	7.75		3.50	6.60		7.00		
DDK000352	ARÂL BẠCH	206170791			4.00		6.00		5.25	
DDK000353	NGUYỄN LONG BAN	206032553	5.00	1.88	4.50			6.20		6.00
DDK000354	NGUYỄN THỊ BÀN	206162669	2.75	2.00	3.50		3.50		1.75	
DDK000355	LÊ VŨ VĂN BẢN	206241078	7.50	4.83	5.50	6.60		6.00		7.80
DDK000356	HỒ VĂN BẠN	206330342	1.75	1.75	2.00			4.00		6.60
DDK000357	TRẦN VĂN BẠN	206119121	6.25	2.68	4.50	7.40		6.80		
DDK000358	PHẠM VĂN BANG	206196330	6.00	3.38	2.50	7.40		6.40		
DDK000359	LÊ ĐẶNG HOÀNG BẢO	206306545	2.50	2.70	3.50		4.75			
DDK000360	BÙI HUỲNH QUỐC BẢO	206263396	6.25	3.13	3.50	7.80		6.80		
DDK000361	BÙI XUÂN BẢO	201751947	6.00	3.10	2.75	6.60		6.80		7.40
DDK000362	DƯƠNG GIA BẢO	205896927	4.25	3.90	2.25	6.60				
DDK000363	DƯƠNG HOÀI BẢO	206205655	7.00	2.00	3.50	8.00		6.00		
DDK000364	DƯƠNG QUỐC BẢO	206117034	6.50	6.05	5.50	8.00		4.40		
DDK000365	DƯƠNG VĂN BẢO	206141857	6.50	2.73	2.75	8.00		7.20		
DDK000366	ĐỖ GIA BẢO	206107566			4.25		4.75		3.50	
DDK000367	ĐỖ NHƯ BẢO	206148328	2.00	2.50	4.75	3.00	3.75	0.00		
DDK000368	ĐÀO GIA ANH BẢO	206187821	6.75	2.50	4.00	7.60		6.20		
DDK000369	ĐINH QUỐC BẢO	206138037	7.50	3.05	3.00			7.00		8.20
DDK000370	ĐINH VĂN QUỐC BẢO	206141633	6.75	2.18	3.25	7.80		6.20		6.20
DDK000371	HỒ GIA BẢO	206028559	4.75	2.38	4.50	6.20		5.80		
DDK000372	HỒ NGỌC BẢO	206178078	1.75	2.25	2.75		3.75			
DDK000373	HỒ QUỐC BẢO	206108588	2.00	1.75	1.50	5.80	4.25			
DDK000374	HÀ PHƯỚC BẢO	206236294	2.00	3.13	4.25		5.00			
DDK000375	HÀ VĂN BẢO	205872038	7.25		3.25	7.00		5.80		
DDK000376	HOÀNG QUỐC BẢO	206340596	1.25		3.75		3.50		2.50	
DDK000377	HOÀNG VĂN BẢO	206315994	2.50	1.98	2.75	5.00		5.80		
DDK000378	HUỲNH DUY BẢO	206340592	7.25		2.50	5.80	3.25	6.20		
DDK000379	HUỲNH QUỐC BẢO	206068025	7.00	1.63	3.00	7.00		6.00		
DDK000380	HUỲNH THỊ TIỂU BẢO	206148455	6.00	3.13	4.00	5.60				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000381	LÃ TRÍ BẢO	206317920	6.50	6.78	5.00	7.60				
DDK000382	LÊ HỒNG BẢO	206206987	1.25	4.70	3.00	4.20				
DDK000383	LÊ HỒNG NGỌC BẢO	206268677	5.25	2.50	2.25	7.40		5.00		
DDK000384	LÊ THANH BẢO	206131228	4.00	2.00	3.75	4.20		4.20		
DDK000385	LÊ VĂN BẢO	206350658	2.00	3.00	4.50		5.75			
DDK000386	LÊ VĂN BẢO	206332942	7.25	2.25	2.75	8.00		5.40		
DDK000387	LÊ VĨNH BẢO	206315608	4.75	2.38	3.50	2.80	3.25	4.40		
DDK000388	LƯƠNG NGUYỄN HOÀI BẢO	206191123	4.25	2.63	2.00	6.40		6.60		
DDK000389	LƯƠNG QUỐC BẢO	206200929	6.25	3.88	4.00	6.80				
DDK000390	LƯƠNG VĂN BẢO	206304109	2.75	4.50	2.25	4.60	4.50			
DDK000391	MAI CHÍ BẢO	206122279	3.75		1.50		3.75	6.80		1.80
DDK000392	NGÔ HOÀNG QUỐC BẢO	206370922	4.75	2.60	4.00	5.80		5.00		
DDK000393	NGÔ THÀNH BẢO	206235496	5.00	4.10	5.75		3.75		8.00	
DDK000394	NGUYỄN BÁ BẢO	206316771	1.50	2.75	2.00		4.50			
DDK000395	NGUYỄN DƯƠNG NGỌC BẢO	206148473	6.50	3.78	5.25	6.60		5.60		
DDK000396	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	206193031	1.75	2.00	3.75		4.75		1.25	
DDK000397	NGUYỄN GIA BẢO	206333974	8.25	2.88	4.00	8.20		7.60		
DDK000398	NGUYỄN HOÀI BẢO	205981686	5.25	2.50	5.00	3.20	4.25	3.60		
DDK000399	NGUYỄN HOÀNG AN BẢO	206361998	6.75	2.98	4.00	8.20		7.60		
DDK000400	NGUYỄN HOÀNG QUANG BẢO	206361997	7.50	3.10	2.75	7.80		6.60		
DDK000401	NGUYỄN HỮU BẢO	206117064	8.75	6.48	5.25	7.60		7.60		
DDK000402	NGUYỄN HỮU PHƯỚC BẢO	206286062	5.50	4.23	2.75	7.00				
DDK000403	NGUYỄN KIM BẢO	206316646	5.75	2.98	3.00	4.40		5.80		
DDK000404	NGUYỄN NHẤT GIA BẢO	206310129	5.75	2.85	2.25	3.60		6.40		
DDK000405	NGUYỄN NHƯ BẢO	206331523	4.50	2.13	3.25			6.00		5.20
DDK000406	NGUYỄN PHẠM THIÊN BẢO	206240571	6.25	2.13	4.75	6.80		6.60		
DDK000407	NGUYỄN PHƯỚC GIA BẢO	206084762	6.25	2.75	2.50	7.80		6.80		
DDK000408	NGUYỄN QUANG BẢO	206198841	7.75	2.25	4.00	8.60		7.20		
DDK000409	NGUYỄN QUỐC BẢO	206065735	1.50	2.75	3.75		4.50			
DDK000410	NGUYỄN QUỐC BẢO	206195802	3.42	2.45	3.50	5.60				
DDK000411	NGUYỄN QUỐC BẢO	206319021	6.00	2.13	2.00	7.00		6.20		
DDK000412	NGUYỄN QUỐC BẢO	206221735	5.50	2.63	2.50	6.60		6.00		
DDK000413	NGUYỄN QUỐC BẢO	206141897	2.00	2.25	4.75		5.25		2.25	
DDK000414	NGUYỄN QUỐC BẢO	206028493	2.25	3.05	5.00		4.50		3.75	
DDK000415	NGUYỄN THIÊN BẢO	206079288	2.00	1.38	1.25		2.75			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000416	NGUYỄN TẤN BẢO	206316303	6.75	3.13	3.50	7.20		5.40		
DDK000417	NGUYỄN TẤN BẢO	206220310	2.25	2.75	1.00		3.25			
DDK000418	NGUYỄN TRẦN QUỐC BẢO	205733328	5.75			7.60		7.20		7.40
DDK000419	NGUYỄN VĂN BẢO	206131909	6.25	2.73	3.25	7.40		6.00		
DDK000420	NGUYỄN VĂN BẢO	206331534	5.75	2.00	3.00	4.60		4.20		
DDK000421	PHAN CÔNG KHÁNH BẢO	206017319	3.75	3.10	1.50	7.20	4.00	5.80		2.60
DDK000422	PHAN HOÀI BẢO	206079558	7.00			6.00		6.40		
DDK000423	PHAN HOÀNG DUY BẢO	206244870	4.75	1.88	1.75	2.80	5.00			
DDK000424	PHAN LÊ BẢO	206236307	2.00	4.05	3.50	5.00				
DDK000425	PHAN THANH BẢO	205981440	6.33	2.13	3.00	7.20		4.80		
DDK000426	PHAN THANH CHÍ BẢO	206319679	7.00	2.63	3.00	5.20		5.20		
DDK000427	PHAN VĂN QUỐC BẢO	206196557	4.75	3.73	4.75		6.00		5.00	
DDK000428	PHẠM NGỌC BẢO	206319357	7.00	2.25	2.25	7.60		6.40		0.00
DDK000429	PHẠM TRẦN GIA BẢO	206190812	5.75	1.98	2.50	8.20		5.20		
DDK000430	PHẠM VĂN BẢO	206317294	6.50	6.88	5.25	7.20				
DDK000431	THÁI NHẬT BẢO	206066068	5.00	2.63	2.50		3.75			
DDK000432	TRẦN CÔNG BẢO	205953371	4.50			4.80		6.00		
DDK000433	TRẦN ĐÌNH GIA BẢO	206314024	5.25			6.20		7.40		
DDK000434	TRẦN GIA BẢO	206178057	2.25	2.75	3.50			4.20		5.00
DDK000435	TRẦN GIA BẢO	206268664	6.00	2.13	4.00	7.80		6.20		
DDK000436	TRẦN HOÀI BẢO	206313097	6.50	5.08	2.00	7.00				
DDK000437	TRẦN HOÀI BẢO	206141069	6.00	2.23	2.75	6.20		5.80		6.80
DDK000438	TRẦN LÊ QUÝ BẢO	206221799	8.00	2.00	3.50	7.00		6.80		4.40
DDK000439	TRẦN NGUYỄN BẢO	206238809	5.75	2.13	2.00	4.20		6.20		
DDK000440	TRẦN QUỐC BẢO	206239011	1.50	2.50	4.75		4.75			
DDK000441	TRẦN QUỐC BẢO	206118082	5.75	1.50	3.00	5.60		5.40		
DDK000442	TRẦN THỊ NGỌC BẢO	206201690	4.25	1.88	5.50		4.00			
DDK000443	TRẦN TRUNG BẢO	206318035	1.75	1.75	1.75			2.60		5.60
DDK000444	TRẦN VĂN QUỐC BẢO	206012522	4.50	2.63	4.00	7.40		5.40		
DDK000445	TRƯƠNG CÔNG NHẬT BẢO	206202315	5.00	2.25	3.00	7.40		5.80		
DDK000446	TRƯƠNG NGUYỄN THÁI BẢO	206103797	7.25	2.25	5.25	6.40		5.40		
DDK000447	VÕ PHAN BẢO	206204147	5.25	2.50	3.50	5.60		7.20		6.20
DDK000448	VÕ THIÊN BẢO	206144363	5.50	2.98	4.00	7.80		6.20		
DDK000449	VƯƠNG VĂN BẢO	206306562	3.75	2.25	2.75		3.75			6.00
DDK000450	NGUYỄN ANH BÃO	206268693	5.50	3.60	2.75	7.40		6.00		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000451	NGUYỄN HOÀI BÃO	206107944	6.50	2.75	3.00	6.00		6.40		6.00
DDK000452	TRÀ NGUYÊN BÃO	206240568	5.75	1.75	5.00			4.20		7.40
DDK000453	TRẦN THỊ THU BÃO	206241083	4.00	1.75	5.25		5.50			
DDK000454	TRẦN DUY BÁU	206101998	7.00	6.68	3.50	6.40				
DDK000455	NGUYỄN ĐINH BAY	206063913	7.25	2.13	4.50	6.80		4.00		
DDK000456	HUỲNH KIM BẢY	206201804	4.25	2.88	3.00	5.60		4.40		
DDK000457	LÊ THỊ BẢY	206209124	5.75	2.13	3.50	6.60		6.40		4.40
DDK000458	NGUYỄN THỊ THU BẢY	206014941	4.25	2.43	5.50	4.80		3.40		
DDK000459	ARẤT HUY BẮC	206050217	3.25	2.68	4.00		5.25		4.25	
DDK000460	MAI PHƯỚC BẰNG	205848551	6.25	2.88	3.00	5.80		6.40		4.00
DDK000461	NGUYỄN ĐĂNG BẰNG	206017530	2.50	2.25	3.00		3.00		1.50	
DDK000462	PHAN VĂN BÂNG	206178121	6.50	4.00	3.75	7.00		6.80		
DDK000463	BRÍU BE	206151983	6.75	2.78	4.75			6.60		6.00
DDK000464	NGUYỄN THỊ BÉ	205977380	0.50		2.50		3.25		1.25	
DDK000465	NGUYỄN THỊ BÉ	206163679	2.75	2.38	3.75		6.75		3.50	
DDK000466	TRẦN THỊ BÉ	206208714	3.25	3.18	3.75	5.00				
DDK000467	RAĐÊL THỊ BEO	206171181			2.75		3.75		2.50	
DDK000468	TRẦN HỮU BÊ	205618399	0.00			0.00		0.00		0.00
DDK000469	ALĂNG THỊ BỀN	206151142			3.75		4.50		2.50	
DDK000470	NGUYỄN VĂN BỀN	206201816	1.25	2.18	3.50	3.80		2.80		
DDK000471	VÕ ĐĂNG BỀN	206104695	8.00	3.00	2.75			8.20		8.20
DDK000472	NGUYỄN THỊ BÊNH	206201061	5.50			0.00		3.00		7.60
DDK000473	ALĂNG THỊ BÍCH	206171278	1.75					4.20		3.60
DDK000474	ALĂNG THỊ BÍCH	206151370	5.75	4.63	6.50		5.25			
DDK000475	COOR BÍCH	206051512	0.25		1.25		3.00	2.80	0.75	3.60
DDK000476	ĐINH THỊ BÍCH	206151982	2.75	2.88	4.75		6.25		3.25	
DDK000477	HỒ THỊ BÍCH	206330140	7.00	5.75	4.25	7.20				
DDK000478	HUỲNH THỊ KIM BÍCH	206066932	4.25	4.38	4.25	6.40				
DDK000479	MAI THỊ NGỌC BÍCH	206360056	3.50	2.25	2.75		5.00			
DDK000480	NGUYỄN PHẠM THỊ BÍCH	206148476	7.25	3.58	5.25	7.40		7.00		
DDK000481	NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH	206098626	2.25	3.25	4.75		4.75			
DDK000482	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	206069778	3.50	2.05	2.75		4.50	3.20		4.40
DDK000483	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	206207423	6.25	6.40	4.75	7.20				
DDK000484	NGUYỄN THỊ XUÂN BÍCH	205981423	3.00	2.75	3.50	4.00		4.60		
DDK000485	PHẠM THỊ BÍCH	206339315	6.25	3.43	4.50	4.60				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000486	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH	206066547	2.50	2.00	2.75		5.00		1.25	
DDK000487	VÕ THỊ THU BÍCH	206288055	5.50	2.25	3.50			5.40		4.00
DDK000488	ARẤT BIÊN	206151659	1.00					5.00		3.40
DDK000489	MAI THỊ KIM BIÊN	206330198	6.25	3.50	6.00	5.80				
DDK000490	NGUYỄN VĂN BIỂU	206106295	5.50	2.38	5.25	6.60		5.00		
DDK000491	PHAN ĐỨC BIM	206202444	5.25	3.83	3.25	7.00				
DDK000492	NGÔ ĐÌNH BIN	206310038	3.50	3.00	5.75				3.75	
DDK000493	NGUYỄN TẤN BIN	206178061	6.75	2.63	3.25	7.00		6.80		
DDK000494	PHẠM GIA BIN	206148158	5.25	2.00	2.50	5.60	5.00	4.00	1.75	
DDK000495	TRẦN CHÁNH RIN BIN	206027903	5.25	2.13	5.00	6.60		5.40		
DDK000496	BÙI ĐỨC BÌNH	206242944	1.25			2.80		4.00		0.00
DDK000497	BÙI THANH BÌNH	206079112	8.75	3.68	4.75	7.20		6.60		7.00
DDK000498	BÙI VĂN BÌNH	206070934	3.50	2.13	3.00	5.80		5.60		
DDK000499	DƯƠNG THÁI BÌNH	206178860	5.75	2.43	3.00	5.60		4.60		4.60
DDK000500	ĐỖ HỮU BÌNH	206178254	7.00	3.10	3.25	7.60		6.40		3.80
DDK000501	ĐINH THỊ THANH BÌNH	206284753	7.00	3.00	3.75	6.80		6.40		
DDK000502	ĐINH THANH BÌNH	206067580	2.50	2.25	2.75		5.25	4.60		4.00
DDK000503	ĐẶNG LÊ PHƯƠNG BÌNH	206131316	3.00	3.88	2.25	3.80	4.00	2.80		
DDK000504	ĐOÀN THỊ BÌNH	206306710	4.00	2.60	5.75	4.80				
DDK000505	ĐOÀN THỊ THÁI BÌNH	206108041	3.50	2.50	5.00	4.80				
DDK000506	HỒ VĂN BÌNH	206215299	1.75		2.50		5.50	2.40		4.20
DDK000507	HỒ VIẾT BÌNH	205790029			2.25		4.50		3.75	
DDK000508	HÀ VŨ BÌNH	205217498			4.00		4.50		4.00	
DDK000509	HOÀNG TẤN BÌNH	205593125			2.75		4.00		1.75	
DDK000510	HOÀNG VĂN BÌNH	206007412	6.50			7.20		5.60		0.00
DDK000511	HUỲNH PHAN CÔNG BÌNH	206351572	2.50	2.00	3.00		3.25			
DDK000512	HUỲNH THỊ THÁI BÌNH	206131470	5.00	2.25	5.00		6.50		4.50	
DDK000513	HUỲNH THỊ THU BÌNH	206222395	6.75	2.75	4.50	6.40		5.60		
DDK000514	HUỲNH THANH BÌNH	206240393	4.75	2.13	3.50	5.20	5.50	4.60		
DDK000515	HUỲNH VĂN BÌNH	206340421	1.75		2.75			3.00		4.60
DDK000516	HUỲNH VĂN BÌNH	206311959	1.75	2.23	2.25	5.20		5.80		
DDK000517	LÊ BÌNH	206299229	4.00	3.13	3.50	5.40				
DDK000518	LÊ BÌNH	206266381	6.75	3.25	4.25	7.40		6.40		
DDK000519	LÊ HUY BÌNH	206012785	5.25	2.35	4.00	5.40		6.40		
DDK000520	LÊ NGỌC BÌNH	205994530	2.50	2.88	2.00					3.20

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000521	LÊ THẾ BÌNH	206242291	5.50			6.00		6.00		
DDK000522	LÊ THỊ CẨM BÌNH	206131966	3.25	3.13	5.00		6.50			
DDK000523	LƯƠNG THỊ BÌNH	206242969	3.75	2.50	5.50		6.25		5.25	
DDK000524	LƯU THÁI BÌNH	206033882	3.75	2.88	4.00		5.50			
DDK000525	NGÔ THỊ THANH BÌNH	206362110	5.25	2.63	6.00			3.40		5.20
DDK000526	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	206065233	6.25	3.10	5.50	6.60	4.50	5.40		
DDK000527	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	206316992	4.00	2.13	3.75	3.60		6.00		4.00
DDK000528	NGUYỄN HẦU THÚY BÌNH	206184159	4.25	1.75	3.00	3.80		3.80		3.20
DDK000529	NGUYỄN THỊ BÌNH	206349360	3.50	2.25	2.00	4.40		5.40		3.80
DDK000530	NGUYỄN THỊ BÌNH	206141329	4.50	3.03	2.25	4.40		6.80		5.80
DDK000531	NGUYỄN THỊ BÌNH	206141710	3.75	2.23	3.50		4.50		4.00	
DDK000532	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	206044923	6.00	2.18	4.00	5.80		5.60		6.40
DDK000533	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	205976621	3.00		4.50		5.00		4.50	
DDK000534	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	206141091	6.75	4.05	5.00	8.60		7.00		
DDK000535	NGUYỄN THỊ THU BÌNH	205981916	3.75	2.13	7.75		6.50		6.50	
DDK000536	NGUYỄN THÁI BÌNH	206267536	7.50	2.73	4.25	8.40		7.00		
DDK000537	NGUYỄN THÁI BÌNH	206220115	0.00			0.00		0.00		
DDK000538	NGUYỄN THÁI BÌNH	206064965	5.25	2.50	3.75	6.60		5.20		
DDK000539	NGUYỄN THANH BÌNH	206208647	3.75	2.63	2.00	4.00		4.80		
DDK000540	NGUYỄN THANH BÌNH	206263808	3.75	3.18	4.25	6.60				
DDK000541	NGUYỄN THANH BÌNH	206362283	5.00	2.88	3.50	4.20		4.20		
DDK000542	NGUYỄN THANH BÌNH	206204082	2.50	3.13	2.00			3.40		2.20
DDK000543	NGUYỄN VĂN BÌNH	206131686	1.50	1.25	3.75	3.40				
DDK000544	NGUYỄN VĂN BÌNH	206204263	5.50	2.38	3.50	4.60		3.60		
DDK000545	NGUYỄN Y BÌNH	206319315	4.25	1.88	3.75	6.00		3.40		
DDK000546	PHAN CÔNG BÌNH	206333273	5.00	2.13	4.00			7.40		6.60
DDK000547	PHAN THỊ BÌNH	206195845	7.00	2.90	4.50	7.80				
DDK000548	PHAN THỊ THANH BÌNH	206144163	6.50	5.98	7.75	7.00				
DDK000549	PHAN VĂN BÌNH	206240710	4.25	2.13	2.50					5.00
DDK000550	PHẠM ĐỨC THÁI BÌNH	206117913	3.75			6.00		6.80		
DDK000551	PHẠM THÁI BÌNH	206318721	4.00	3.38	3.50		6.00			
DDK000552	PHẠM TẤN BÌNH	206269109	6.25	3.25	3.25	6.80		4.60		
DDK000553	PHẠM VĂN BÌNH	206178157	5.75	3.25	2.50	7.20		7.00		5.00
DDK000554	PHẠM VĂN BÌNH	205994136	3.25	3.13	3.00		4.25			
DDK000555	TRẦN HỮU BÌNH	206311146	7.00	4.08	3.75	6.20		5.40		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000556	TRẦN LÊ CÔNG BÌNH	206109757	7.00	6.33	2.50	6.80		4.40		
DDK000557	TRẦN PHƯƠNG BÌNH	206027147	7.00			6.40		6.60		8.00
DDK000558	TRẦN THỊ KIM BÌNH	206310167	4.50			5.40		7.00		3.60
DDK000559	TRẦN THANH BÌNH	205960695	6.25	2.38		5.60		5.20		
DDK000560	TRẦN TÚ BÌNH	206178377	5.75			6.40		6.20		
DDK000561	TRẦN VĂN BÌNH	206339410	0.75		2.00		6.25		5.25	
DDK000562	TRƯƠNG GIANG BÌNH	206012526	6.25	2.75	4.00	7.00		6.00		3.60
DDK000563	TRƯƠNG THỊ BÌNH	206028928	4.50	2.25	4.75	5.40		5.20		3.60
DDK000564	TRƯƠNG VĂN BÌNH	206138039	5.75	1.88	4.50	7.40		7.20		
DDK000565	VÕ THỊ BÌNH	206189032	5.25	3.03	4.00	5.20		5.80		
DDK000566	VÕ UYÊN BÌNH	206107922	6.25	5.73	3.50	6.60		4.80		
DDK000567	Y BÌNH	206036834			5.00		6.50		5.00	
DDK000568	HỐIH BLIA	205975402	2.00					3.80		3.80
DDK000569	ĐỖ THẾ BON	205863432	7.00					7.80		6.80
DDK000570	NGUYỄN TẤN BOON	206318196	6.25	3.85	2.50	7.40		5.20		
DDK000571	HỒ VIẾT BỘ	206120373	8.50	4.20	4.00	8.60		8.60		8.00
DDK000572	TRẦN HỮU BỒI	206131056	4.50	2.00	5.00	6.20		5.20		
DDK000573	HUỲNH LINH BÔN	206319191	2.50	2.40	3.75	4.80				
DDK000574	NGUYỄN THỊ BÔNG	206333556	5.00	2.10	3.25	7.00				
DDK000575	NGUYỄN THỊ THANH BÔNG	206311045	3.25	4.50	3.25		4.75			
DDK000576	TRẦN THỊ BÔNG	206141071	2.25	3.63	1.75					3.00
DDK000577	VÕ THỊ BÔNG	206267869	7.25	4.43	4.75	6.80				
DDK000578	NGÔ ĐÌNH BỚP	241800445	2.50	2.43	4.75		4.25		2.75	
DDK000579	BNƯỚCH THỊ BUÔN	206171286	1.25					3.40		2.80
DDK000580	CAO THỊ BƯỚI	206065354	4.50	4.38	3.75		5.25			
DDK000581	ĐINH THỊ BƯỚI	206104520	5.75	4.23	5.75	7.60				
DDK000582	NGUYỄN LÝ THIÊN BỬU	206317887	4.00	3.23	5.25	5.20				
DDK000583	NGUYỄN THỊ TIÊN BỬU	206207516	4.00	4.38	4.75		4.50			
DDK000584	PHẠM HOÀNG BỬU	206241436	7.00	2.55	5.00	7.60		6.60		
DDK000585	VÕ HOÀNG BỬU	206286083	3.50	2.50	4.50	6.80				
DDK000586	BÙI SƠN CA	205822856	1.25	2.25	4.25		5.25		6.00	
DDK000587	NGUYỄN HUỲNH PHONG CA	206079106	3.75	2.25	5.00	7.20		4.80		
DDK000588	TRỊNH THỊ SƠN CA	206339181	2.75			4.40		3.60		3.60
DDK000589	BNƯỚCH CÁI	205556498			3.50		5.25		2.00	
DDK000590	LÊ THỊ CAM	206106469	4.50	2.75	4.00	5.00		3.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000591	TRƯƠNG THỊ CAM	206184062	4.75	2.28	4.50		5.75			
DDK000592	ĐỖ THỊ TUYẾT CẢM	206117071	5.50	4.08	6.75		3.50			
DDK000593	NGUYỄN TIẾN CẢM	206178731	6.75	2.35	3.75	7.60		5.40		
DDK000594	PHÙNG NGỌC CAN	206034945	2.25	2.13	3.00		4.75	5.80		3.60
DDK000595	HIÊN CẠN	206051082	2.00		3.25		5.75		6.00	
DDK000596	NGUYỄN VĂN CANG	205491308			0.00		0.00		0.00	
DDK000597	DƯƠNG THỊ HOÀNG CẢNH	206084498	5.00	1.88	7.25		7.25		7.25	
DDK000598	ĐỖ ĐỨC CẢNH	206187929	5.50	2.63	3.00	7.40		5.20		
DDK000599	ĐẶNG XUÂN CẢNH	206203733	4.25	3.18	2.00	6.00		4.60		
DDK000600	HỒ THỊ HỒNG CẢNH	206161047			3.25		2.75		4.50	
DDK000601	HỒ THỊ MỸ CẢNH	206319482	4.50	2.50	4.75			3.80		5.00
DDK000602	HOÀNG ĐỨC CẢNH	152020060			5.00		4.25		4.25	
DDK000603	LÊ NGỌC CẢNH	206269140	5.50	2.93	3.25		4.75			
DDK000604	LÊ VĂN CẢNH	206131546	4.75	2.63	3.25	3.60		3.20		4.20
DDK000605	LÊ VĂN CẢNH	206120926	1.25	2.50	3.75	5.20	4.25			
DDK000606	LƯƠNG CAO CẢNH	206220140	3.00	3.70	3.50		4.50			
DDK000607	MAI XUÂN CẢNH	206104994	1.25	2.88	2.50					3.80
DDK000608	NGÔ ĐÌNH CẢNH	205953374	5.75			6.20		6.40		
DDK000609	NGUYỄN CÔNG CẢNH	206069062	3.75	3.50	3.50			3.20		4.60
DDK000610	NGUYỄN HOÀNG CẢNH	205823373			4.75		6.00		5.75	
DDK000611	NGUYỄN HỮU CẢNH	206098903	5.25	3.25	5.00	6.80		4.60		
DDK000612	NGUYỄN MINH CẢNH	206196013	2.25	3.38	2.00	3.80	3.25			
DDK000613	NGUYỄN THỊ MỸ CẢNH	206237029	4.25	5.43	5.00		4.50			
DDK000614	NGUYỄN THỊ XUÂN CẢNH	206068876	6.50			3.20		7.60		4.80
DDK000615	NGUYỄN TUẤN CẢNH	206350341	6.50	5.25	3.00	8.00		5.80		
DDK000616	TRẦN DUY CẢNH	206044710	4.50			5.80		5.40		
DDK000617	TRẦN XUÂN CẢNH	206197265	6.50	3.35	3.75			8.60		5.60
DDK000618	TRƯƠNG VĂN CẢNH	206201731	6.00	3.53	5.00	4.40	5.50			
DDK000619	VÕ VĂN CẢNH	206195556	4.75			7.40		6.00		
DDK000620	CƠLÂU CAO	206151961	4.50	2.00	5.00		5.75		2.75	
DDK000621	ĐỖ VĂN CẨM	206331972	4.00	5.85	2.00	6.00		5.20		
DDK000622	HUỲNH THỊ KIM CẨM	206118128	3.25	2.13	6.00		5.50		4.50	
DDK000623	HUỲNH THỊ NGỌC CẨM	206331481	6.75	5.05	4.25	6.40				
DDK000624	LÊ THỊ CẨM	206148111	7.25	5.45	7.00	8.40		5.40		
DDK000625	LÊ THỊ CẨM	206184509	3.25	3.00	5.50	8.00		4.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000626	LƯƠNG THỊ HỒNG CẨM	206217084	7.00	5.65	4.25	7.80		7.00		
DDK000627	MAI THANH CẨM	206067391	4.00	2.75	3.25	6.20				
DDK000628	NGUYỄN THỊ CẨM	206079831	2.25	2.75	5.75		5.00		4.00	
DDK000629	NGUYỄN THỊ CẨM	206206942	5.25	3.25	4.00		4.75			
DDK000630	NGUYỄN THỊ CẨM	206207847	6.00	2.48	5.25	2.40	4.25			
DDK000631	PHONG THỊ CẨM	206152149	3.50	2.25	5.75		5.25		2.75	
DDK000632	TRẦN THỊ CẨM	206141802	4.00	4.38	4.00	3.80	4.00			
DDK000633	ĐINH CÔNG CÂN	206351294	2.00	1.85	4.50			2.00		
DDK000634	HỒ VĂN CẦN	206196743	8.75					8.60		8.20
DDK000635	NGUYỄN VĂN CẦN	206107361	4.25	2.25	4.00	5.60		5.40		3.60
DDK000636	BÙI VĂN CẤP	206221842	5.00	3.65	2.75	5.20		5.80		
DDK000637	HUỲNH CẤT	206222509	5.50	2.00	4.50				4.75	
DDK000638	NGUYỄN VĂN CẦU	206138087	5.25	5.48	2.25	6.80				
DDK000639	VÕ VĂN CẦU	206267643	7.75	2.25	3.00	7.20		4.60		5.20
DDK000640	ALĂNG CẬU	205556583			3.00		5.50		4.75	
DDK000641	DIỆP MINH CHÁNH	206263650	0.00							0.00
DDK000642	NGUYỄN CHÁNH	206203576	3.25	3.25	3.00		4.00			
DDK000643	NGUYỄN VĨNH CHÁNH	206065782	7.50	2.63	3.50	6.40		6.40		
DDK000644	NGUYỄN HỒNG BẢO CHÂN	206362454	3.75	3.83	6.50			5.20		
DDK000645	NGUYỄN THIỆN CHÂN	205915478	4.75	7.63	2.75					
DDK000646	VÕ THỊ MINH CHÂN	206117123	8.00	5.99	5.50			8.60		6.60
DDK000647	NGÔ QUỐC CHẤN	206311021	3.25	3.53	1.50		3.50			
DDK000648	PHẠM THỊ THU CHẤP	206316748	6.50	4.18	5.00	8.20		6.40		
DDK000649	BLÚP THỊ CHÂU	206171728	2.00	3.18	5.25		4.75		2.00	
DDK000650	CAO THỊ XUÂN CHÂU	206206859	6.25	2.43	4.75	6.80		6.20		3.00
DDK000651	CHẾ TRƯỜNG CHÂU	206266022	3.75	2.88	3.50	6.40		6.00		
DDK000652	DƯƠNG HẠNH CHÂU	206148463	6.50	4.28	7.25	6.40		6.40		
DDK000653	ĐỖ THỊ CHÂU	206222396	6.50	2.50	4.25	7.00		5.20		
DDK000654	HỒ NGỌC CHÂU	206098907	7.25	7.03	5.75	7.20				
DDK000655	HUỲNH THỊ BĂNG CHÂU	206193737	6.25	3.15	5.00	7.20		6.40		
DDK000656	HUỲNH THỊ MỸ CHÂU	201767984	3.50	1.75	6.00		4.25		0.00	
DDK000657	LÊ KIỀU TRÂN CHÂU	206296940	5.00	5.83	5.25	6.40				
DDK000658	LÊ MỸ CHÂU	206334227	4.75	3.88	5.25		4.25			
DDK000659	LÊ THỊ CHÂU	205838068	0.00	0.00		0.00				
DDK000660	LÊ THỊ CẨM CHÂU	206303729	6.50	2.43	4.75	5.60		4.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000661	LÊ THỊ KIM CHÂU	206202020	2.75	2.35	3.50		5.00			
DDK000662	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	206221376	6.25	3.63	4.75	6.20		4.20		
DDK000663	NGHUYỄN VĂN CHÂU	206332478	2.75	2.20	4.50		3.75			
DDK000664	NGÔ THỊ CHÂU	206138150	6.00	5.83	4.50	6.60				
DDK000665	NGUYỄN ĐÌNH CHÂU	206065358	3.00	1.75	4.50		4.75	0.00		3.60
DDK000666	NGUYỄN NGỌC CHÂU	206067277	2.00	2.13	3.75		4.50	6.40		3.60
DDK000667	NGUYỄN PHÚC MINH CHÂU	206019102	7.00	7.55	6.25	6.80		6.00		
DDK000668	NGUYỄN THỊ ANH CHÂU	206032476	4.75	5.83	6.25		6.00			
DDK000669	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	206035320	2.00	2.38	3.75		3.50	0.00		0.00
DDK000670	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	206299313	5.50	2.25	3.75	6.20		3.00		5.20
DDK000671	NGUYỄN THỊ CẨM CHÂU	206117087	8.25	8.10	7.00	6.20				
DDK000672	NGUYỄN THỊ MỊ CHÂU	206204222	4.25	2.30	2.75		4.00			
DDK000673	NGUYỄN THỊ MINH CHÂU	206144377	5.25	2.43	5.50			4.60		4.40
DDK000674	NGUYỄN THÙY CHÂU	206065322	7.50	4.93	5.00	7.80		6.60		
DDK000675	NGUYỄN TRỊNH MINH CHÂU	206065067	4.00	2.38	5.50		5.75	5.00		3.60
DDK000676	NGUYỄN VĂN CHÂU	206316325	5.75	3.00	3.00	6.60		5.20		
DDK000677	NGUYỄN VIẾT CHÂU	206081364	3.75	3.33	3.50	4.20				
DDK000678	PHAN THỊ NGỌC CHÂU	206047130	7.75	8.03	7.00	6.60				
DDK000679	PHAN XUÂN CHÂU	206208667	7.50	2.20	2.00	7.80		5.20		
DDK000680	PHẠM THỊ CHÂU	206284762	5.25	2.13	4.25					5.60
DDK000681	PHẠM THỊ HỒNG CHÂU	205838030	6.25	5.23	6.75	7.40				
DDK000682	PƠ LOONG THÚY CHÂU	206051552	0.00		2.75					
DDK000683	TRẦN THỊ CHÂU	206301897	6.25	4.23	3.75	7.20				
DDK000684	TRẦN THỊ HẠ CHÂU	206100721	3.25	3.38	4.25	5.60				
DDK000685	TRẦN THỊ MỴ CHÂU	205960899	2.00	2.25	1.50		2.75		1.25	
DDK000686	TRẦN THỊ MỸ CHÂU	206178521	4.25	2.50	4.00		5.00		2.25	
DDK000687	TRẦN THỊ MỸ CHÂU	206029354	5.50	2.48	4.75			5.00		5.00
DDK000688	TRỊNH DƯƠNG BẢO CHÂU	206216070	8.50	5.93	5.00	4.40				
DDK000689	TRƯƠNG THỊ MỸ CHÂU	206267489	6.00	2.65	4.75			6.00		7.20
DDK000690	TRƯƠNG TỐNG TRÂN CHÂU	206141659	5.00	4.75	5.75	6.40				
DDK000691	VĂN THỊ MỸ CHÂU	206047428	3.00	2.75	5.75		5.75		4.00	
DDK000692	VÕ THỊ KIM CHÂU	206195853	6.25	2.95	3.25	7.40		5.40		4.20
DDK000693	UN CHẬU	206051072	4.25			4.60		3.80		
DDK000694	CHÂU MẪN HUỆ CHI	206184868	6.50	4.45	6.00	6.00				
DDK000695	COOR KIM CHI	206050156	1.25		3.75		4.00		2.25	

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000696	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG CHI	206106470	5.75	1.68	3.50	7.60		5.20		
DDK000697	HỒ THỊ BÍCH CHI	206311192	5.50	3.10	5.50			6.40		6.60
DDK000698	HOÀNG KIỀU CHI	206238011	4.25	2.10	3.75	5.00				
DDK000699	HUỲNH KIM CHI	206311039	4.00	2.38	6.00		3.50			
DDK000700	HUỲNH THỊ KIM CHI	206184443	5.75	5.18	7.00			5.40		6.00
DDK000701	HUỲNH THỊ KIM CHI	206033762	1.00	1.75	1.50		4.25		3.25	
DDK000702	HUỲNH THI QUỲNH CHI	206240493	5.50	1.98	5.50	3.40	3.75	5.80		
DDK000703	LÊ PHẠM Ý CHI	206066376	6.00	3.90	5.25		6.00			
DDK000704	LÊ THỊ BÍCH CHI	206317146	4.25	2.00	3.00		6.00		4.75	
DDK000705	LÊ THỊ KIM CHI	206240002	1.75	3.30	4.75		4.00			
DDK000706	LÊ THỊ KIM CHI	206079089	3.50	3.93	4.25	3.80				
DDK000707	LÊ THỊ KIM CHI	206070809	3.50	2.53	5.50		4.75		4.00	
DDK000708	LÊ THỊ THU CHI	206064389	4.00			6.20		5.00		
DDK000709	LÊ THỊ YẾN CHI	206244708	2.25	3.25	4.50	5.80	2.00	5.00		
DDK000710	MAI BẢO CHI	206220969	8.00	3.43	6.25	7.80		6.40		
DDK000711	NGÔ ĐOÀN LINH CHI	205981778	5.75	4.35	4.75	5.20				
DDK000712	NGÔ THỊ KIM CHI	206222285	4.50	2.00	3.50		3.00			
DDK000713	NGUYỄN ĐINH CHI	206117136	5.00	2.13	6.50		8.50		8.25	
DDK000714	NGUYỄN THỊ CHI	206144492	6.25	2.80	5.25	6.20				
DDK000715	NGUYỄN THỊ KIM CHI	206221814	5.00	2.00	5.00		5.75		4.75	
DDK000716	NGUYỄN THỊ KIM CHI	205824582	7.25			7.80		8.00		
DDK000717	NGUYỄN THỊ KIM CHI	206200957	4.75	2.25	3.50	6.00		6.60		6.60
DDK000718	NGUYỄN THỊ KIM CHI	206088055	6.00			3.60		5.40		5.00
DDK000719	NGUYỄN THỊ KIM CHI	206148220	3.50	2.05	2.25	2.20	4.00	4.60		
DDK000720	NGUYỄN THỊ KIM CHI	206241364	4.50	2.50	4.00	5.00	4.50			
DDK000721	NGUYỄN THỊ MƠ CHI	206148723	4.50	2.55	3.75	2.80	5.25	4.40	4.00	
DDK000722	NGUYỄN THỊ QUẾ CHI	206266654	5.25	4.60	4.50	7.40				
DDK000723	NGUYỄN THỊ XUÂN CHI	206106854	6.25	4.70	4.50	7.80		6.40		
DDK000724	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG CHI	206330994	4.50	3.38	4.50	4.00				
DDK000725	NGUYỄN VĂN CHI	205940970	2.25		3.50		2.75		2.25	
DDK000726	PHAN LỆ CHI	206079018	3.75	2.40	4.75	5.80				
DDK000727	PHAN THỊ BÍCH CHI	206314070	4.50	2.50	4.00		5.75			
DDK000728	PHAN THỊ CHI	206200103	5.75			3.00		6.60		4.60
DDK000729	PHAN THỊ KIM CHI	206029315	6.25	2.30	5.00		5.00			
DDK000730	PHAN THỊ THÙY CHI	206222155	3.00	1.88	3.50		4.50		0.00	

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000731	PHẠM THỊ CHI	206237132	4.00	2.75	5.25		5.25			
DDK000732	PHẠM THỊ CHI	206221584			5.00		4.25		2.00	
DDK000733	PHẠM THỊ CHI	206028933	1.50	1.93	5.00		4.50			
DDK000734	PHẠM THỊ THÚY CHI	206235810	1.25	3.13	4.50			3.60		
DDK000735	PHẠM THỊ YÊN CHI	206303563	5.50	3.18	4.50			6.40		5.80
DDK000736	PHẠM THANH PHƯƠNG CHI	206117139	7.00	4.13	4.75		3.75			
DDK000737	TRẦN KHÁNH CHI	206265524	6.50	7.45	4.75	8.60				
DDK000738	TRẦN MỸ CHI	206236956	7.00	5.23	6.50	6.20				
DDK000739	TRẦN THỊ CẨM CHI	206189268	5.00	2.25	3.75	4.60				
DDK000740	TRẦN THỊ KIM CHI	206141955	1.75	1.25	5.00			4.40		5.20
DDK000741	TRẦN THỊ KIỀU CHI	206317300	6.25	3.25	5.50	8.00		6.20		
DDK000742	TRẦN THỊ LỆ CHI	206334053	3.00	1.75	1.75		4.25		3.00	
DDK000743	TRƯƠNG THỊ KIM CHI	206286385	7.00	4.00	5.50	6.60		6.40		
DDK000744	TRƯƠNG THỊ UYỂN CHI	206208499	8.00	2.55	4.25	7.80		6.80		
DDK000745	TRƯƠNG TRẦN THẢO CHI	206221198	3.25	1.88	6.00					
DDK000746	VÕ THỊ BÍCH CHI	206315552	4.25	1.88	3.25		4.75		3.00	
DDK000747	VÕ THỊ NGỌC CHI	205980910	7.75					8.20		7.20
DDK000748	NGUYỄN THỊ KIM CHỈ	206196228	6.75	5.23	7.50		5.00			
DDK000749	TRẦN NGUYỄN NGỌC CHÍ	206311022	5.50	2.68	3.50	7.60		3.00		
DDK000750	TRẦN QUỐC CHÍ	206104510	9.00	4.93	6.25			7.80		8.60
DDK000751	ZƠRÂM CHIÊM	205910469	2.75	1.88	5.00		7.50		4.25	
DDK000752	ZƠRÂM THỊ CHIÊN	206171366	1.75	2.00	4.00		5.25		3.00	
DDK000753	ÁI THANH CHIẾN	206151883	2.25		4.50		6.75		5.25	
DDK000754	BÙI TẤN CHIẾN	206220127			2.50		4.50		5.00	
DDK000755	BÙI VĂN CHIẾN	206106194	4.50	3.43	3.50	6.60		4.80		
DDK000756	CHÂU CÔNG CHIẾN	206196910	5.00	3.23	3.25	3.80				
DDK000757	ĐỖ VĂN CHIẾN	205784248	0.00	0.00		0.00				
DDK000758	ĐỖ VĂN CHIẾN	206334282	0.00	0.00	0.00	0.00		0.00		
DDK000759	ĐÀM HIẾU CHIẾN	206319133	5.50	3.43	3.00	7.40		5.20		
DDK000760	HỒ THỊ CHIẾN	206037638	6.25		5.50			5.20		4.80
DDK000761	HÀ MINH CHIIẾN	206190232	3.25			4.40		5.20		
DDK000762	HUỲNH BÁ CHIẾN	206186541	3.75	4.00	2.25	6.40		4.00		
DDK000763	LÊ VĂN CHIẾN	206334344	5.50	2.53	2.75	7.60		5.00		
DDK000764	NGUYỄN BÁ CHIẾN	205738968	8.25			6.40		6.60		5.20
DDK000765	NGUYỄN ĐỨC CHIẾN	206144454	1.75	3.30	2.75		4.25			

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000766	NGUYỄN HỮU CHIẾN	206268096	1.25	2.13	3.50			3.60		4.60
DDK000767	NGUYỄN KIM CHIẾN	206198123	6.25	3.00	2.75	7.80		3.80		
DDK000768	PHẠM VIẾT CHIẾN	205941581	2.00		2.75	4.40		3.60		
DDK000769	TRẦN MINH CHIẾN	206018891	4.25	1.50	4.00	6.40		5.00		
DDK000770	TRẦN NHỊ CHIẾN	206311170	4.50	3.18	3.50	4.40				
DDK000771	TRẦN VĂN CHIẾN	206029414	2.00	2.18	1.50		3.25			
DDK000772	TRẦN VĂN CHIẾN	206310069	6.25			7.00		5.60		3.20
DDK000773	B LÚP CHIÊNG	205710702			2.50		3.25		0.75	
DDK000774	NGÔ NHẬT CHIÊU	205960793	6.00	3.88	5.50	6.40				
DDK000775	VÕ THỊ QUỲNH CHIÊU	206138488	5.75	2.38	5.00	6.80				
DDK000776	RÍAH CHIL	205787226	1.75							3.80
DDK000777	HỒ THỊ CHIM	206161596	1.75		3.50		2.75		1.25	
DDK000778	HIÊN CHÍN	205792184	1.50					3.60		3.40
DDK000779	LÊ XUÂN CHÍN	206016544	5.25	1.55	3.00	6.60		5.80		
DDK000780	BÙI VĂN CHINH	206207617	3.25	2.70	5.25		4.75		3.25	
DDK000781	ĐẶNG ĐÌNH CHINH	206198838	3.75	2.63	3.25			4.00		4.40
DDK000782	ĐẶNG THỊ CHINH	206012189	3.75	2.60	3.25	4.20				
DDK000783	HỒ TRẦN NHẬT CHINH	206197228	2.25	2.75	3.75	5.00				
DDK000784	LÊ THỊ KIỀU CHINH	206088505	3.50	2.13	2.00	6.40				
DDK000785	NGUYỄN THỊ MỸ CHINH	206333962	6.25	3.30	4.75	6.80		6.00		
DDK000786	NGUYỄN THANH CHINH	206065733	5.00	3.63	5.00	6.00		5.00		
DDK000787	NGUYỄN VĂN CHINH	206084484	0.00					0.00		0.00
DDK000788	NGUYỄN VĂN CHINH	205896976			5.75		6.00		5.00	
DDK000789	PHAN THỊ CHINH	206178586	1.75	3.18	3.25		1.25			
DDK000790	PHẠM THỊ CHINH	206192823	1.75	2.30	2.50		2.25			
DDK000791	PHẠM THỊ KIỀU CHINH	206084432	5.25	2.75	3.75	6.20		6.00		
DDK000792	THÁI HOÀNG CHINH	206267507	4.75	2.75	3.50	7.20		5.40		
DDK000793	TRẦN ĐÌNH CHINH	206238320	1.50	2.13	3.00	3.00	3.25			
DDK000794	VĂN HỬU CHINH	206360337	4.25	2.85	3.50		4.75		2.25	3.60
DDK000795	VŨ NAM CHINH	206306474	4.25	1.75	4.25		5.75			0.00
DDK000796	TRẦN VĂN CHÍNH	206144103	4.50	1.38	4.00	6.80		3.40		4.40
DDK000797	TRẦN VĂN CHỈNH	206101952	5.25			5.80		4.80		
DDK000798	ĐOÀN ĐỨC CHÍNH	206288066	5.25	3.00	1.50		2.25			
DDK000799	LÊ QUANG MINH CHÍNH	206081532			4.50		4.25		3.00	
DDK000800	MAI THỊ ANH CHÍNH	206332593	5.00	3.35	2.00		4.25	3.00		3.20

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000801	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	206037873	6.25		3.50	6.40		5.20		6.20
DDK000802	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	206002932	6.75	2.15	3.25			7.20		6.20
DDK000803	NGUYỄN TÂN CHÍNH	206333881	3.00	2.68	2.75	7.40		4.80		
DDK000804	PHẠM MINH CHÍNH	206064041	5.25	3.05	2.50	5.60		4.80		
DDK000805	PHẠM THỊ ANH CHÍNH	206023954	4.25	2.25	7.25		7.25		7.00	
DDK000806	TRẦN NGỌC CHÍNH	206116074	6.00	1.75	4.00	7.00		6.20		
DDK000807	TRẦN THỊ CHÍNH	206117210	6.25	2.88	6.00			5.60		7.60
DDK000808	VÕ THÀNH CHÍNH	206081654	1.25	2.63	2.25	3.20	2.75	6.00		
DDK000809	ARẤT CHO	206151348			3.75		6.25		2.50	
DDK000810	ZƠ RÂM CHỌN	205563294	1.75		2.50					
DDK000811	NGUYỄN THỊ CHƠI	206131039	1.25	2.13	2.25		3.00			
DDK000812	COOR CHU	206051458	3.00		4.00		4.00		1.25	
DDK000813	PHAN DUNG CHU	206088902	7.75			8.60		7.00		
DDK000814	PHAN DUY CHÚC	206316433	3.25	2.53	2.25		2.25		1.25	
DDK000815	TƠ NGÔL CHÚC	MI3400132957			4.50		3.50		1.50	
DDK000816	TRƯƠNG DUY CHÚC	206362300	6.50	5.23	5.50			6.60		
DDK000817	BÙI THANH CHUNG	205869620	7.00			4.60		4.60		4.80
DDK000818	CHÂU THỊ CHUNG	206222405	5.50	2.13		6.80		4.60		
DDK000819	DƯƠNG THỊ ÁI CHUNG	206208090	5.25	5.20	5.75	5.60				
DDK000820	ĐOÀN THỊ KIM CHUNG	205981609			6.75		7.75		7.75	
DDK000821	HÙNG VĂN CHUNG	206331814	5.75	2.25	4.50	6.60		5.40		
DDK000822	LÊ THỊ CHUNG	206209131	7.00	3.55	5.25	7.40		6.00		
DDK000823	LÊ THỊ KIM CHUNG	206068057	2.50	2.50	3.75		4.25		1.50	
DDK000824	LÊ VĂN CHUNG	205948163	3.50	1.00	4.25		5.50		3.50	
DDK000825	NGÔ ĐINH NHƯ CHUNG	206144320	5.25					6.20		5.40
DDK000826	NGUYỄN CÔNG CHUNG	206192624	4.50	1.88	4.75		4.75	7.00		5.60
DDK000827	NGUYỄN HÙNG KHÁNH CHUNG	206079742	3.50	3.50	4.50		4.50	5.60		5.00
DDK000828	NGUYỄN NGỌC CHUNG	206079910	2.75	2.50	3.25	7.00		8.80		8.00
DDK000829	NGUYỄN THỊ CHUNG	206079424	4.50	2.63	4.75			5.40		5.20
DDK000830	NGUYỄN THỊ THU CHUNG	206319355	1.75	2.00	4.50	4.40				
DDK000831	NGUYỄN THÀNH CHUNG	206079504	1.50	2.25	2.75		3.25			
DDK000832	NGUYỄN TIẾN CHUNG	206339363	4.25		3.00	5.00		3.20		5.40
DDK000833	PHAN DUY CHUNG	206240390	4.50	2.75	2.75	5.40		5.20		
DDK000834	PHẠM THỊ CHUNG	206079113	6.25	2.43	3.75	7.40		5.40		
DDK000835	TĂNG THỊ KIM CHUNG	206050202	6.75	6.35	6.75	7.00				

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000836	TRẦN PHƯỚC CHUNG	205912382			5.00		4.42		3.75	
DDK000837	TRẦN THỊ KIM CHUNG	206069273	3.25	2.70	4.25		4.00			
DDK000838	TRẦN TẤN CHUNG	206268157	2.25	2.63	5.75		8.25		7.00	
DDK000839	TRỊNH QUỐC CHUNG	206313328	1.50	2.05	1.75					4.40
DDK000840	TRỊNH THỊ CHUNG	206066247	4.50			5.80		3.20		
DDK000841	TRỊNH THỊ KIM CHUNG	206330186	5.50	5.65	6.00	7.00				
DDK000842	TRƯƠNG THỊ CHUNG	206081796	4.75	2.13	4.75	6.40		5.60		
DDK000843	TRƯƠNG THỊ KIM CHUNG	206029737	4.75			6.20		4.60		
DDK000844	VÕ HUỲNH NGUYÊN CHUNG	206079320	5.25	4.65	6.25	5.80				
DDK000845	VÕ THỊ CHUNG	206184738	3.50	3.68	4.00	5.40				
DDK000846	VÕ THỊ CHUNG	206044349	6.75	3.08	3.25	7.80		7.00		
DDK000847	VÕ THỊ KIM CHUNG	206079009	2.50	2.75	5.00		2.50		3.25	
DDK000848	NGUYỄN THỊ BẢO CHUYÊN	206195730	7.25	2.25	3.25	7.40		6.40		5.60
DDK000849	HIÊN CHƯ	205792499	4.75					4.40		2.80
DDK000850	PHẠM VĂN CHỨC	206079092	2.00	1.88	2.00		5.00		3.75	
DDK000851	HÔIH THỊ CHỨCH	206150884			3.50		2.75		2.50	
DDK000852	MAI VĂN CHỪNG	206115035	4.25	2.25	3.25		3.00			6.80
DDK000853	ĐẶNG HỮU CHƯƠNG	206301912	6.75	2.38	2.50	7.60		6.40		
DDK000854	ĐOÀN MINH VĂN CHƯƠNG	206314095	7.25			7.20		5.40		
DDK000855	LÊ BÁ CHƯƠNG	205896553	3.25	2.00	3.50		3.25			
DDK000856	NGUYỄN NHO KIỀU CHƯƠNG	206296513	5.75	3.13	6.00	2.80	4.00			
DDK000857	NGUYỄN PHÚC BẢO CHƯƠNG	206217129	4.25	9.48	3.00	6.40				
DDK000858	NGUYỄN QUỐC CHƯƠNG	206370651	4.75	2.00	5.00	6.80		5.80		
DDK000859	NGUYỄN TẤN CHƯƠNG	206220094	5.50	1.50	3.50	7.00		5.00		
DDK000860	NGUYỄN TẤN NGUYÊN CHƯƠNG	206204923	3.25	2.88	5.25		5.25			
DDK000861	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	206044745	5.25	2.00	2.00	3.00	3.75			
DDK000862	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	206033852	3.25	2.13	3.25		4.00		0.50	
DDK000863	NGUYỄN VĂN CHƯƠNG	206044557	1.50	2.13	6.00		7.25		7.25	
DDK000864	NGUYỄN VĂN HOÀNG CHƯƠNG	206187910	3.00	2.38	3.50	5.60		4.00		
DDK000865	PHAN VĂN CHƯƠNG	206361907	6.00	4.43	2.75	5.60				
DDK000866	TRÀ MINH CHƯƠNG	206222389	5.25	2.75	3.50			7.60		6.00
DDK000867	TRẦN HỮU CHƯƠNG	206044925	4.75	2.25	1.75		3.25			
DDK000868	TRẦN HUY CHƯƠNG	206208208	5.75	2.25	3.50		7.25		2.25	
DDK000869	VÕ PHÚC NGUYÊN CHƯƠNG	206268397	4.25	2.93	6.00		7.75		5.50	
DDK000870	VÕ THỊ CHƯƠNG	206221373	7.00	2.75	3.25	6.20		7.20		7.00

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000871	CAO VĂN CÓ	206035376	2.25	2.50	3.50		4.50		4.00	
DDK000872	RIÁH COI	206171344	1.25							3.60
DDK000873	PHẠM VĂN CÔI	205817066	2.50							4.20
DDK000874	BÙI NGỌC CÔNG	206201940	4.00	2.38	6.00		6.00		6.00	
DDK000875	BÙI VĂN CÔNG	206238638	2.25	2.38	5.00		3.25			
DDK000876	BÙI VĂN THÀNH CÔNG	206194217	2.75	1.75	3.50	6.60		5.20		
DDK000877	DŨ VĂN CÔNG	206120805	6.00	1.75	4.50	7.40		6.40		
DDK000878	ĐỖ VĂN CÔNG	205981933	6.25	1.50	3.50	8.20		7.40		
DDK000879	ĐINH HỮU CÔNG	206084960	6.75	2.25	2.75	7.40		8.40		
DDK000880	ĐINH VIẾT CÔNG	206221274	8.75	2.00	4.25	8.40		7.40		5.60
DDK000881	ĐẶNG VĂN CÔNG	206203333	7.00			8.00		6.20		
DDK000882	HUỲNH BÁ CÔNG	206245820	6.25	1.63	2.50	6.80		7.20		
DDK000883	HUỲNH TẤN CÔNG	206195717	6.25	2.55	3.25	6.40		5.60		
DDK000884	LÊ VIẾT CÔNG	206141830	4.75	2.15	5.25	5.60		3.80		
DDK000885	NGÔ QUỐC CÔNG	205981898	2.00			4.00		5.60		3.00
DDK000886	NGUYỄN LƯƠNG DUY CÔNG	206194588	6.25	2.63	2.00	7.40		4.40		5.60
DDK000887	NGUYỄN PHƯỚC CÔNG	206016305	7.00	2.00	3.75	7.80		6.80		4.60
DDK000888	NGUYỄN THỊ CÔNG	206199535	2.25	2.13	2.75		3.50			
DDK000889	NGUYỄN THÀNH CÔNG	206034267	3.25	2.25	2.75		2.50			
DDK000890	NGUYỄN TẤN CÔNG	206313326	1.75	2.25	3.25		5.00		5.50	
DDK000891	NGUYỄN VĂN CÔNG	206349384	0.50	1.88	2.00		2.75			
DDK000892	PHẠM THỊ CÔNG	206123105	5.00	2.23	4.25	3.60	3.00			
DDK000893	PHẠM VĂN CÔNG	206178247	3.50	2.25	2.50		3.00			
DDK000894	PHÙNG MINH CÔNG	206067691	3.75	2.23	4.75			4.40		3.60
DDK000895	TÔ THÀNH CÔNG	201705894	3.00			5.20		5.20		
DDK000896	TRẦN CÔNG	206221924	6.75	2.25	3.75	6.60		5.20		
DDK000897	TRẦN THÀNH CÔNG	206283137	6.50	8.40	5.00	6.00				
DDK000898	TRẦN VĂN CÔNG	206120778	3.75	1.75	1.75	5.60		4.00		
DDK000899	TRỊNH TRÌNH QUỐC CÔNG	206317767	3.25	2.43	3.50	6.80		4.60		
DDK000900	TRƯƠNG KIM CÔNG	205991187	4.00		2.50					
DDK000901	VĂN BÁ CÔNG	206081890	6.50			6.00		4.40		
DDK000902	VÕ HỮU CÔNG	206268501	5.50	2.38	3.50	5.80	6.25	4.80		
DDK000903	VÕ NGỌC CÔNG	206068032	2.25	2.13	2.00		3.25			
DDK000904	BÙI VĂN CƠ	206070944	4.50	2.98	3.00	7.20		5.60		
DDK000905	LÊ THỊ HẢI CƠ	206313349	3.50	3.40	4.25					3.60

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000906	NGUYỄN HỒNG CƠ	205953480	4.50		5.75	6.20		4.20		
DDK000907	NGUYỄN THANH CƠ	206350206	3.25	2.50	4.00	3.20	6.00			
DDK000908	TRỊNH THỊ CƠ	206371863	3.75	2.75	7.00		6.75		6.50	
DDK000909	ATING CƠRỚP	MI3400126903			1.75		2.00		1.00	
DDK000910	NGUYỄN THỊ CỦA	206311912			0.00		0.00		0.00	
DDK000911	HIÊN THỊ CUẬN	206050991	1.50		2.00					
DDK000912	BÙI THỊ KIM CÚC	206310156	3.00			4.20		4.00		
DDK000913	DOÃN THỊ KIM CÚC	206334167	5.25	2.73	3.75	6.80				
DDK000914	LÊ THỊ CÚC	206081939	4.75	1.73		4.20		2.20		
DDK000915	LÊ THỊ HOA CÚC	206268939	5.50	2.13	3.50		6.00			
DDK000916	LÊ THỊ KIM CÚC	206207835	4.50	2.35	3.75	5.60				
DDK000917	NGÔ THỊ HOÀNG CÚC	206283123	6.50	6.43	5.00					
DDK000918	NGUYỄN THỊ CÚC	206311178	5.50	2.35	4.00	4.80				
DDK000919	NGUYỄN THỊ CÚC	206316845	6.75	2.50	5.75	7.40		5.80		
DDK000920	NGUYỄN THỊ CÚC	206184603	4.25	2.73	3.50					2.40
DDK000921	NGUYỄN THỊ CÚC	206268627	4.00	1.63	3.00			5.80		5.40
DDK000922	NGUYỄN THỊ CÚC	206131557	5.50	2.38	3.00	5.40		4.20		3.60
DDK000923	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	206144413	3.75	2.35	5.25		3.25		3.25	
DDK000924	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	206360369	6.50	5.48	4.75	6.00				
DDK000925	NGUYỄN THỊ THU CÚC	206201841	3.00	2.13	3.75			2.80		3.40
DDK000926	PLONG THỊ CÚC	206050184	2.75		3.00			6.00		3.80
DDK000927	TRÀ THỊ CÚC	206241191	3.50	2.13	4.75	5.80		3.20		
DDK000928	TRẦN THỊ KIM CÚC	206178033	3.50	2.75	5.25		7.25		4.75	
DDK000929	VÕ THỊ KIM CÚC	206066550	5.50	2.25	4.00	5.80				
DDK000930	VÕ THỊ KIM CÚC	206141967	4.75	2.75	3.50	5.40		5.60		
DDK000931	PHAN VĂN CƯ	206033724	0.75	2.13	3.75		5.50		2.00	
DDK000932	BNƯỚCH THỊ CƯỚI	205975202			2.00		2.25		0.75	
DDK000933	HÔIH THỊ CƯỚI	206171719	4.00	2.38	5.50		5.25		4.75	
DDK000934	LÊ VĂN CƯỜM	206284801	7.25	2.75	4.25	8.60		7.40		
DDK000935	ĐỖ TRỌNG CƯƠNG	206220287	5.00	2.13	2.50	7.40		6.80		
DDK000936	HỒ HỮU CƯƠNG	206081420	3.75	1.63	2.00	7.00		4.20		
DDK000937	NGUYỄN DUY CƯƠNG	206117926	7.00	4.36	4.00	8.00		8.00		5.20
DDK000938	NGUYỄN ĐÌNH CƯƠNG	206028801	5.75	2.25	2.75	7.20		7.20		
DDK000939	NGUYỄN MINH CƯƠNG	206331087	6.75	5.38	4.75	7.40		6.60		
DDK000940	TRẦN HỮU CƯƠNG	206193073	4.25	2.13	2.25	6.20		4.40		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000941	BÙI CHÍ CƯỜNG	205624298			3.00		7.25		5.25	
DDK000942	BÙI VĂN CƯỜNG	206202381	4.50	3.38	2.75	6.40		3.00		
DDK000943	BÙI VĂN NHẬT CƯỜNG	206292335	3.00	1.38	5.25	4.40	2.50	4.00		3.40
DDK000944	CHÂU NGỌC CƯỜNG	206222119	2.50	2.38	6.25		7.25		7.00	
DDK000945	DIỆP MINH CƯỜNG	206263651	0.00							0.00
DDK000946	ĐỖ QUỐC CƯỜNG	206267460	7.25	2.63	2.25	7.20		4.00		
DDK000947	ĐỖ VIẾT CƯỜNG	206339313	6.75		2.25	5.20		5.00		6.80
DDK000948	ĐINH VĂN CƯỜNG	206148781	5.50	3.13	3.75	5.80	5.75	4.20		
DDK000949	ĐẶNG TRỌNG CƯỜNG	206037389	6.00	3.48	3.00	6.00				
DDK000950	ĐOÀN VĂN CƯỜNG	206070875	4.75			6.00		4.40		4.60
DDK000951	HỒ LÊ CƯỜNG	206217728	6.00	2.63	3.00	5.00	4.25			
DDK000952	HỒ QUỐC CƯỜNG	206361037	1.50	2.38	2.00	5.60	2.00	3.80	0.00	3.60
DDK000953	HỒ QUỐC CƯỜNG	206260501	5.75	2.38	4.25	3.40	4.75			
DDK000954	HỒ VIẾT CƯỜNG	206196257	6.50	2.50	2.50	6.40		4.80		
DDK000955	HỨA VĂN CƯỜNG	206201605	7.00	4.43	3.75	7.20				
DDK000956	HOÀNG VIẾT CƯỜNG	206069458	1.75	2.23	3.00	5.80				
DDK000957	HUỲNH ĐỨC CƯỜNG	206070024	5.00	2.38	1.50					4.40
DDK000958	LÊ MẠNH CƯỜNG	206206180	4.25	2.13	3.50		7.75		5.25	
DDK000959	LÊ NGỌC CƯỜNG	206178077	3.25	3.00	2.00	6.00		5.00		
DDK000960	LÊ SỸ CƯỜNG	186946250			3.25		6.50		6.75	
DDK000961	LÊ THANH CƯỜNG	206340284	7.25		3.25	6.60		5.80		
DDK000962	LÊ VĂN CƯỜNG	206131336	8.00	1.50	3.25			6.80		8.00
DDK000963	LÊ VĂN CƯỜNG	206235462	6.25	2.50	3.00	5.40		5.20		
DDK000964	LÊ VĂN CƯỜNG	206067934	6.00	3.13	4.00	5.40	3.50	3.40		
DDK000965	LÊ VĂN CƯỜNG	206267306	0.25	2.00	4.25		4.75		5.75	
DDK000966	LÊ VĂN CƯỜNG	205915241	1.50	1.50	1.25					
DDK000967	LÊ VĂN QUỐC CƯỜNG	206120738	4.75	1.88	5.25	3.80	0.00	0.00		
DDK000968	NGÔ MINH CƯỜNG	206340158	7.00	2.88	2.50	5.40				
DDK000969	NGÔ NGUYỄN CƯỜNG	206120809	6.00	3.05	3.75	6.20		5.80		
DDK000970	NGÔ TẤN CƯỜNG	206207317	6.25	3.43	2.75	5.80		6.20		
DDK000971	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	206221498	2.25	2.00	2.50		2.75			4.80
DDK000972	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	206144424	7.25	2.50	3.00	7.00		6.60		6.40
DDK000973	NGUYỄN ĐỨC MINH CƯỜNG	206296179	3.50	2.63	2.50		4.00	5.60		5.80
DDK000974	NGUYỄN KHÁNH CƯỜNG	206035046	7.50	2.00	4.25			6.80		6.80
DDK000975	NGUYỄN KHÁNH CƯỜNG	206079731	6.00	2.75	2.50	6.40		5.60		

Số báo danh	Họ tên	CMND	Toán	T.Anh	Ngữ văn	Vật lí	Địa lí	Hóa học	Lịch sử	Sinh học
DDK000976	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	206205848	2.50	2.98	4.00	4.20				
DDK000977	NGUYỄN NHẬT CƯỜNG	206070649	0.00	2.13	2.25		2.75		0.00	
DDK000978	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206217133	7.50	8.38	3.50	7.40				
DDK000979	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206029832	6.25	5.03	4.00	3.40	4.25			
DDK000980	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	205855937	2.50	1.75	5.25		3.00		3.33	
DDK000981	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206334336	2.00	2.00	4.50		5.00			
DDK000982	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206311194	3.75	2.25	3.50		7.00		5.50	
DDK000983	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206187850	4.75	2.60	3.75		5.75			
DDK000984	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206027397	3.50	3.98	3.00		4.25			
DDK000985	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	206178253	7.00	3.78	2.00	8.00		8.40		6.40
DDK000986	NGUYỄN THỊ CƯỜNG	206331867	5.25	2.80	4.25	5.00		5.80		
DDK000987	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	205980590	2.50			5.00		5.20		
DDK000988	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	206079133	2.25	2.00	2.50			6.20		5.60
DDK000989	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	206360763	4.25	3.63	3.50	5.60				
DDK000990	NGUYỄN VĂN QUỐC CƯỜNG	206299335	6.25	2.38	2.00	7.20		5.40		
DDK000991	NGUYỄN VĂN QUỐC CƯỜNG	206331061	6.25	6.05	5.25	6.80				
DDK000992	NGUYỄN VIẾT CƯỜNG	206334018	8.00	3.13	2.50	5.80		5.00		
DDK000993	PHAN HÙNG CƯỜNG	206240437	1.50	2.63	2.25	3.20	3.75	3.60		
DDK000994	PHAN VĂN CƯỜNG	206286003	6.75	2.25	3.00	7.80		7.20		
DDK000995	PHẠM CƯỜNG	206263767	6.50	2.38	3.00			5.60		4.80
DDK000996	PHẠM ĐỨC CƯỜNG	206235809	4.00	5.25	2.00		4.00			
DDK000997	PHẠM HÙNG CƯỜNG	206178508	5.00	2.00	2.00			6.60		7.00
DDK000998	PHẠM NGỌC CƯỜNG	206064340	6.50			7.40		6.80		
DDK000999	TRẦN ANH CƯỜNG	206312512	7.00	3.58	5.50	6.40				
DDK001000	TRẦN CÔNG CƯỜNG	206199770	5.25	3.73	3.50	5.00		3.20		